

54. BIÊN SOẠN, GIẢNG DẠY LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ ĐỊA PHƯƠNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHOA: LỊCH SỬ**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc****CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Sư phạm Lịch sử và Địa lí Mã số: 7140249

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin chung về học phần**

1.1	Tên học phần (tiếng Việt)	Biên soạn, giảng dạy Lịch sử và Địa lí địa phương
1.2	Tên học phần (tiếng Anh)	Local History and Geographic compilation , teaching
1.3	Mã học phần:	31821088
1.4	Số tín chỉ:	2TC
1.5	Phân bố thời gian:	
-	Lý thuyết:	1TC (15 tiết)
-	Thực hành Loại 1:	1TC (15 tiết)
-	Thực hành Loại 2:	0TC (0 tiết)
-	Tự học:	60 tiết
1.6	Các giảng viên phụ trách học phần:	
-	Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Đặng Thị Thùy Dương ThS. Đoàn Thị Thông
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Trương Trung Phương TS. Nguyễn Văn Thái
-	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	Lịch sử Việt Nam và phương pháp dạy học
1.7	Điều kiện tham gia học phần:	
-	Học phần tiên quyết:	Không
-	Học phần học trước:	Không
-	Học phần song hành:	Không
1.8	Loại học phần:	☐ Bắt buộc ☐ Tự chọn bắt buộc ☒ Tự chọn tự do
1.9	Thuộc khối kiến thức	☐ Kiến thức Giáo dục đại cương ☐ Kiến thức Cơ sở ngành ☐ Kiến thức Chuyên ngành ☒ Kiến thức Nghiệp vụ Sư phạm ☐ Kiến thức Thực tập và Khóa luận

2. Mô tả tóm tắt học phần

Giáo dục địa phương là một trong những nội dung dạy học quan trọng trong chương trình giáo dục phổ thông 2018, có ý nghĩa giáo dục sâu sắc đối với giúp học sinh. So với các môn học khác môn Lịch sử, Địa lí có nhiều ưu thế trong việc giáo dục truyền thống địa phương cho học sinh. Để giúp sinh viên nhận thức rõ hơn về vai trò này của bộ môn, học phần “*Biên soạn, giảng dạy Lịch sử và Địa lí địa phương*” sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức về đối tượng, phạm vi và phương pháp nghiên cứu địa phương; đặt cơ sở giúp sinh viên có thể thực hiện được các đề tài nghiên cứu về địa phương; xây dựng các chủ đề dạy học và giáo dục lịch sử, địa lí địa phương ở trường phổ thông.

3. Mục tiêu học phần

3.1. Mục tiêu chung

Học phần “*Biên soạn, giảng dạy Lịch sử và Địa lí địa phương*” cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức về khái niệm địa phương, lịch sử địa phương, địa lí địa phương; vai trò ý nghĩa của việc nghiên cứu, giảng dạy lịch sử, địa lí địa phương; các loại tài liệu và phương pháp nghiên cứu lịch sử, địa lí địa phương. Từ đó, giúp sinh viên hiểu rõ được những đặc trưng của hoạt động nghiên cứu lịch sử, địa lí địa phương để xác định được các đề tài nghiên cứu về địa phương, đặt cơ sở quan trọng cho việc đề xuất các chủ đề dạy học lịch sử, địa lí địa phương ở trường phổ thông. Mặc khác, những kiến thức về tổ chức các hoạt động giảng dạy lịch sử, địa lí địa phương, biện pháp tích hợp kiến thức lịch sử, địa lí địa phương trong dạy học lịch sử, địa lí địa phương cũng sẽ được làm rõ trong học phần “*Biên soạn, giảng dạy Lịch sử và Địa lí địa phương*”.

3.2. Mục tiêu cụ thể (Course Objectives: COs)

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có:

- **CO1:** Kiến thức về đối tượng, vị trí, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, giảng dạy lịch sử, địa lí địa phương
- **CO2:** Khả năng thực hiện được một đề tài nghiên cứu, xây dựng được một chủ đề dạy học lịch sử, địa lí địa phương.
- **CO3:** Khả năng thiết kế được một bài giảng lịch sử, địa lí địa phương và tích hợp được kiến thức lịch sử địa phương trong dạy học lịch sử, địa lí.
- **CO4:** Thể hiện thái độ trân trọng đối với những truyền thống, tiềm năng của địa phương.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PIs	Mức độ của PÍ
CLO1	Phân tích mối liên hệ giữa lịch sử Việt Nam và Lịch sử địa phương; vị trí, vai trò của nội dung giáo dục của địa phương trong Chương trình giáo dục phổ thông (2018)	PI1.5	M
CLO2	Xác định, thực hiện một chủ đề nghiên cứu lịch sử địa phương phục vụ cho việc dạy học lịch sử địa phương ở trường phổ thông	PI5.1 PI5.2	M M
CLO3	Đề xuất các ý tưởng để bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, lịch sử của địa phương	PI8.3 PI8.4	M R
CLO4	Trình bày và bảo vệ được kết quả nghiên cứu của nhóm.	PI5.3	M
CLO5	Thiết kế được hoạt động giáo dục địa phương trong chương trình lịch sử ở trường phổ thông.	PI2.3 PI3.1	R R
CLO6	Tích hợp được kiến thức lịch sử địa phương trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông	PI2.3	R

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

Điền một trong các mức I, R, M hoặc chưa trống (nếu không có sự liên hệ) và điền A vào ô tương ứng

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)							
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO5			PLO8	
	PI1.5	PI2.3	PI3.1	PI5.1	PI5.2	PI5.3	PI8.3	PI8.4
CLO 1	M							
CLO 2				R,A	R,A			
CLO 3							M	R,A
CLO 4						R,A		

CLO 5		R	R					
CLO 6								

6. Đánh giá học phần

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ, các hoạt động đánh giá khác.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CĐR học phần có liên quan
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Đánh giá chuyên cần	P1.1. Quan sát, điểm danh.	R.01	W1.1. 50%	W1. 20%	CLO 1 – 6
	A1.2 Bài tập nhóm	P1.2. Bài báo cáo và trình bày tại lớp	R.03 R.04	W1.2. 50%		CLO 1,2, 4,6
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Kiểm tra giữa kỳ	P2.1. Báo cáo bài tập nhóm	R.03 R.04	W2.1. 100%	W2. 30%	CLO 3, 5
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Kiểm tra cuối kỳ	P3.1 Semina.	R.03 R.04	W3.1. 100%	W3. 50%	CLO 2,4

6.2. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:
- Tham gia ít nhất 80% số tiết học của lớp học phần;
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo qui định của lớp học phần;
- Tự tìm hiểu các vấn đề do giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học trên lớp;
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi (2 tiết/ buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/ THL1 /THL2)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
1	Chương 1: Phương pháp nghiên cứu và biên soạn Lịch sử và Địa lí địa phương 1.1. Phương pháp nghiên cứu và biên soạn Lịch sử địa phương. 1.1.1. Khái niệm, đối tượng nghiên cứu Lịch sử địa phương 1.1.2. Vị trí, tác dụng của công tác nghiên cứu Lịch sử địa phương	2/0/0	Giảng viên tổ chức: - Giảng lý thuyết giúp sinh viên nắm vững nội dung trọng tâm bài học. - Dạy học phát vấn, nêu vấn đề, nghiên cứu trường hợp sinh viên khám phá kiến thức mới.	Sinh viên thực hiện: - Đọc trước TLTK [1] tr. 4-13 - Tham gia học tập để hiểu rõ về đặc trưng nghiên cứu của lịch sử và Địa lí địa phương.	A1.1	CLO 1
2	Chương 1: Phương pháp nghiên cứu và biên soạn Lịch sử và Địa lí địa phương 1.1.3. Những nội dung cơ bản và yêu cầu chung của công tác nghiên cứu	1/1/0	Giảng viên tổ chức: - Giảng lý thuyết giúp sinh viên nắm vững nội dung trọng tâm bài học. - Thảo luận nhóm - Dạy học phát vấn, nêu vấn đề,	Sinh viên thực hiện: - Đọc trước TLTK [1] tr.13-67. - Tham gia học tập - Trình bày kết quả bài tập về nhà: Sưu tầm, giới thiệu một	A1.1, A1.2,	CLO1

	Lịch sử và Địa lí địa phương 1.1.4. Công tác sưu tầm tư liệu LSĐP		nhà nghiên cứu trường hợp sinh viên khám phá kiến thức mới.	số tài liệu lịch sử và Địa lí địa phương. - Tham gia hoạt động nhóm: Suy nghĩ đề xuất một đề tài nghiên cứu lịch sử và Địa lí địa phương.		
3	Chương 1: Phương pháp nghiên cứu và biên soạn Lịch sử và Địa lí địa phương Thực hành sưu tầm tài liệu lịch sử và Địa lí địa phương theo chủ đề cho sẵn.	0/2/0	Giảng viên tổ chức: - Hướng dẫn thực hành - Thảo luận nhóm - Dạy học nêu vấn đề, đóng vai	Sinh viên thực hiện: - Trình bày kết quả bài tập về nhà: Xây dựng đề cương cho đề tài nghiên cứu lịch sử và Địa lí địa phương nhóm đề xuất. - Tham gia học tập, góp ý cho đề cương của các nhóm khác.	A1.1, A1.2	CLO 1,2
4	Chương 1: Phương pháp nghiên cứu và biên soạn Lịch sử và Địa lí địa phương 1.1.5. Các bước nghiên cứu công trình khoa học LSĐP	1/1/0	Giảng viên tổ chức: - Giảng lý thuyết giúp sinh viên nắm vững nội dung trọng tâm bài học. - Thảo luận nhóm	Sinh viên thực hiện: - Đọc trước TLTK [1] tr. 13-67. - Tham gia học tập - Trình bày kết quả bài tập về	A1.1, A1.2	CLO1,2

	1.1.6. Một số quy định về hình thức trình bày công trình LSĐP		- Dạy học phát vấn, nêu vấn đề, nghiên cứu trường hợp sinh viên khám phá kiến thức mới.	nhà: Suru tầm, giới thiệu một số tài liệu lịch sử và Địa lí địa phương. - Tham gia hoạt động nhóm: Suy nghĩ đề xuất một đề tài nghiên cứu lịch sử và Địa lí địa phương.		
5	Chương 1: Phương pháp nghiên cứu và biên soạn Lịch sử và Địa lí địa phương Thực hành nghiên cứu lịch sử và Địa lí địa phương: Các nhóm đề xuất đề tài nghiên cứu và hướng nghiên cứu lịch sử và Địa lí địa phương, chuẩn bị cho bài semina cuối kì.	0/2/0	Giảng viên tổ chức: - Hướng dẫn thực hành - Thảo luận nhóm - Dạy học nêu vấn đề, đóng vai	Sinh viên thực hiện: - Trình bày kết quả bài tập về nhà: Xây dựng đề cương cho đề tài nghiên cứu lịch sử và Địa lí địa phương nhóm đề xuất. - Tham gia học tập, góp ý cho đề cương của các nhóm khác.	A1.1, A1.2	CLO 2,3
6	Chương 2: Phương pháp giảng dạy Lịch sử và Địa lí địa phương 2.1. Một số	2/0/0	Giảng viên tổ chức: - Giảng lý thuyết giúp sinh viên nắm vững	Sinh viên thực hiện: - Đọc trước TLTK [1] tr.67-93.	A1.1	CLO1, 5,6

	vấn đề về nội dung giảng dạy và giáo dục địa phương trong chương trình phổ thông 2.1.1. Khái niệm Lịch sử và Địa lí địa phương địa phương, dạy học và giáo dục địa phương 2.1.2. Phân tích mối liên hệ giữa Lịch sử và Địa lí địa phương và Lịch sử, Địa lí Việt Nam		nội dung trọng tâm bài học. - Thảo luận nhóm - Dạy học phát vấn, nêu vấn đề, nghiên cứu trường hợp sinh viên khám phá kiến thức mới.	- Tham gia học tập - Tham gia hoạt động nhóm phân tích về mối liên hệ giữa lịch sử Việt Nam và lịch sử địa phương.		
7	Chương 2: Phương pháp giảng dạy Lịch sử và Địa lí địa phương 2.1.2. Vai trò, ý nghĩa của việc dạy học lịch sử và Địa lí địa phương ở trường phổ thông	2/0/0	Giảng viên tổ chức: - Hướng dẫn thực hành - Thảo luận nhóm - Dạy học nêu vấn đề và xử lí tình huống.	Sinh viên thực hiện: - Đọc trước tài liệu Website số [7], [12], [13]. - Trình bày kết quả bài tập về nhà: những định hướng mới trong chương trình giáo dục lịch sử	A1.1, A1.2	CLO1, 5,6

	2.1.3. Định hướng nội dung giáo dục địa phương trong chương trình phổ thông 2018			và Địa lí địa phương hiện nay và hướng vận dụng vào môn lịch sử và Địa lí. - Tham gia hoạt động nhóm phân tích về vai trò ý nghĩa của việc dạy học lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông.		
8	Kiểm tra giữa kì		- Tổ chức sinh viên báo cáo bài tập nhóm. - Nhận xét, đánh giá bài báo cáo của sinh viên	- Hoàn thiện bài báo cáo của nhóm và Slide trình chiếu. - Tham gia báo cáo và phản biện. - Tham gia đóng góp ý kiến cho các nhóm khác.	A2.1	CLO3,5
9	Chương 2: Phương pháp giảng dạy Lịch sử và Địa lí địa phương 2.2. Các hình thức dạy học nội dung Giáo dục lịch sử và Địa lí địa phương	2/0/0	Giảng viên tổ chức: - Giảng lý thuyết giúp sinh viên nắm vững nội dung trọng tâm bài học. - Dạy học phát vấn, nêu vấn đề, nghiên cứu trường hợp sinh	Sinh viên thực hiện: - Đọc trước tài liệu Website số [5] - Tham gia học tập - Tham gia xử lý các tình huống sư phạm do giảng viên đưa ra.	A1.1	CLO1, 5,6

	2.2.1. Tổ chức dạy học lịch sử và Địa lí địa phương trên lớp		viên khám phá kiến thức mới. - Hướng dẫn sinh viên làm bài tập về nhà.	- Nghiên cứu, hoàn thành bài tập về nhà: Đề xuất các hướng tổ chức dạy học và Địa lí địa phương trên lớp.		
10	Chương 2: Phương pháp giảng dạy Lịch sử và Địa lí địa phương 2.2.2. Tổ chức dạy học lịch sử và Địa lí địa phương trên lớp	0/2/0	Giảng viên tổ chức: - Hướng dẫn Sinh viên thực hành - Thảo luận nhóm	Sinh viên thực hiện: - Trình bày kết quả hoạt động nhóm ở nhà: Chọn một mục bài về đề xuất hướng dạy học lịch sử và Địa lí địa phương. - Tham gia phản biện, góp ý kiến cho các nhóm khác.	A1.1; A1.2	CLO1, 5,6
11	Chương 2: Phương pháp giảng dạy Lịch sử và Địa lí địa phương 2.2.2. Tổ chức dạy học lịch sử và Địa lí địa phương tại thực địa	2/0/0	- Hoàn thành bài tập về nhà: Đề xuất các hướng tổ chức dạy học lịch sử và Địa lí địa phương trên lớp.	Sinh viên thực hiện: - Đọc trước tài liệu Website số [7], [9], [10], [11]. - Trình bày kết quả bài tập cá nhân: giới thiệu các di tích lịch sử và Địa lí ở thành phố Đà Nẵng; đặc điểm, kinh tế, xã hội Đà Nẵng tích hợp giảng dạy Lịch sử và Địa lí Việt Nam.	A1.1; A1.2	CLO1, 5,6

12	Chương 2: Phương pháp giảng dạy Lịch sử và Địa lí địa phương 2.2.2. Tổ chức dạy học lịch sử và Địa lí địa phương tại thực địa	0/2/0	Giảng viên tổ chức: - Các nhóm trình bày sản phẩm.	Sinh viên thực hiện: - Trình bày ý tưởng việc sử dụng di tích trong dạy học sử cho một mục bài cụ thể. - Tham gia đóng góp ý kiến cho các nhóm khác.	A1.1; A1.2	CLO1, 5,6
13	Chương 2: Phương pháp giảng dạy Lịch sử và Địa lí địa phương 2.2.3. Hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung giáo dục lịch sử và Địa lí địa phương	2/0/0	Giảng viên tổ chức: - Giảng lý thuyết giúp sinh viên nắm vững nội dung trọng tâm bài học. - Dạy học phát vấn, nêu vấn đề, nghiên cứu trường hợp sinh viên khám phá kiến thức mới.	Sinh viên thực hiện: - Đọc trước tài liệu Website [5], [6], [11], [12], [13]. - Đề xuất các hướng để tổ chức cho HS tìm hiểu, nghiên cứu Lịch sử và Địa lí địa phương	A1.1	CLO1, 5,6
14	Chương 2: Phương pháp giảng dạy Lịch sử và Địa lí địa phương 2.3. Hệ thống phương	2/0/0	Giảng viên tổ chức: - Giảng lý thuyết giúp sinh viên nắm vững nội dung trọng tâm bài học.	Sinh viên thực hiện: - Đọc trước tài liệu Website: [8], [9], [12], [13] - Tham gia hoạt động nhóm: Đề xuất các phương	A1.1; A1.2	CLO1, 5,6

	pháp dạy học lịch sử và Địa lí địa phương 2.3.1. Yêu cầu khi lựa chọn phương pháp dạy học nội dung Giáo dục lịch sử và Địa lí địa phương 2.3.2. Các phương pháp dạy học nội dung Giáo dục lịch sử và Địa lí địa phương		- Dạy học phát vấn, nêu vấn đề, nghiên cứu trường hợp sinh viên khám phá kiến thức mới. - Hoạt động nhóm.	pháp dạy học Lịch sử và Địa lí địa phương ở trường phổ thông.		
16	Chương 2: Phương pháp giảng dạy Lịch sử và Địa lí địa phương 2.3. Hệ thống phương pháp dạy học lịch sử và Địa lí địa phương	0/2/0	Giảng viên tổ chức: - Các nhóm trình bày sản phẩm nhóm: Tích hợp các kiến thức lịch sử và Địa lí địa phương trong dạy học và lịch sử và Địa lí Việt Nam.	Sinh viên thực hiện: - Trình bày sản phẩm nhóm. - Tham gia góp ý kiến cho các nhóm khác.	A1.1, A1.2	CLO1, 5,6

17	Thi kết thúc học phần		Giảng viên tổ chức sinh viên báo cáo kết quả thực hiện đề tài nghiên cứu lịch sử và Địa lí địa phương	Sinh viên thực hiện: - Báo cáo kết quả nghiên cứu của nhóm - Phản biện, và bảo vệ thành quả nghiên cứu	A3.1	CLO2,4
----	-----------------------	--	---	--	------	--------

8. Học liệu

8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Sách, bài giảng, giáo trình chính				
1	Nguyễn Cảnh Minh (Cb)	2007	Giáo trình phương pháp nghiên cứu và biên soạn Lịch sử địa phương	NXB Đại học Huế, Huế
2	Nguyễn Đức Vũ	2007	Giáo trình phương pháp nghiên cứu Đại lí địa phương	NXB Đại học Huế, Huế
Sách, giáo trình tham khảo				
3	Nguyễn Cảnh Minh (Cb), Đồ Hồng Thái, Hoàng Thanh Hải	2008	Giáo trình phương pháp nghiên cứu và biên soạn lịch sử địa phương	NXB Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội,
4	Nguyễn Thị Kim Thành (chủ biên)	2014	Bảo tàng, di tích nơi khơi nguồn cảm hứng dạy và học lịch sử cho học sinh phổ thông	NXB Giáo dục, Hà Nội
5	Võ Văn Thắng (chủ biên)	2004	Di tích Chăm tại Đà Nẵng Và những phát hiện mới	NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng
6	Lê Bá Thảo	1967	Phương pháp nghiên cứu và giảng dạy Địa lí địa phương, tập 1	NXB Giáo dục, Hà Nội
7	Lê Bá Thảo	1968	Phương pháp nghiên cứu và giảng dạy Địa lí địa phương, tập	NXB Giáo dục, Hà Nội

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
			2	

8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Cập nhật
8	Luận án “Sử dụng bảo tàng và nhà truyền thống tại địa phương trong dạy học lịch sử Việt Nam ở trường THPT”	https://luanvan123.info/threads/su-dung-bao-tang-va-nha-truyen-thong-tai-dia-phuong-trong-day-hoc-lich-su-viet-nam-o-truong-thpt.121051/	03/6/2009
9	Di tích và danh nhân cảm lệ	https://camle.danang.gov.vn/chi-tiet-tin-tuc?dinhdanh=1311701&cat=20934	25/11/2020
10	Cách tiếp cận mới về dạy học lịch sử địa phương ở trường phổ thông	https://tapchigiaoduc.moet.gov.vn/vi/magazine/so-305-ki-i-thang-3/17-cach-tiep-can-moi-ve-day-hoc-lich-su-dia-phuong-o-truong-pho-thong-1314.html	15/9/2016
11	Một số biện pháp dạy học lịch sử địa phương ở nước Anh	https://tapchigiaoduc.moet.gov.vn/vi/magazine/so-269-ki-i-thang-9/13-mot-so-bien-phap-day-hoc-lich-su-dia-phuong-o-nuoc-anh-3083.html	20/2/2017
12	Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh trong dạy học lịch sử địa phương	https://tapchigiaoduc.moet.gov.vn/vi/magazine/so-411-ki-i-thang-8/05-to-chuc-hoat-dong-trai-nghiem-sang-tao-cho-hoc-sinh-trong-day-hoc-lich-su-dia-phuong-4975.html	07/08/2017
13	Tổ chức hoạt động trải nghiệm tại di tích lịch sử địa phương trong dạy học lịch sử ở trường trung học cơ sở	https://tapchigiaoduc.moet.gov.vn/vi/magazine/so-dac-biet-ki-i-thang-10/19-to-chuc-hoat-dong-trai-nghiem-tai-di-tich-lich-su-dia-phuong-trong-day-hoc-lich-su-o-truong-trung-hoc-co-so-5403.html	16/11/2027

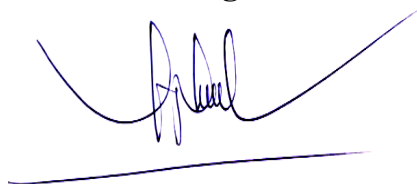
14	Giáo dục truyền thống cách mạng và biên soạn tài liệu lịch sử địa phương tại huyện Định Hóa tỉnh Thái Nguyên	https://tapchigiaoduc.moet.gov.vn/vi/magazine/so-dac-biet-ki-3-thang-5/35-giao-duc-truyen-thong-cach-mang-va-bien-soan-tai-lieu-lich-su-dia-phuong-tai-huyen-dinh-hoa-tinh-thai-nguyen-6783.html	04/09 /2019
15	Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể (2018)	https://moet.gov.vn/tintuc/Pages/tin-hoat-dong-cua-bo.aspx?ItemID=5755	27/12 /2018
16	Chương trình Lịch sử (2018)	https://moet.gov.vn/tintuc/Pages/tin-hoat-dong-cua-bo.aspx?ItemID=5755	27/12 /2018

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy (nếu có)

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	

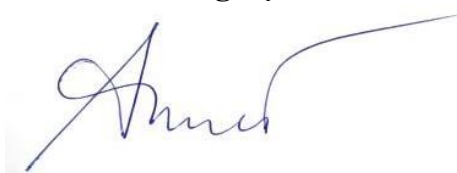
Đà Nẵng, ngày 29 tháng 6 năm 2022

P.Trưởng khoa



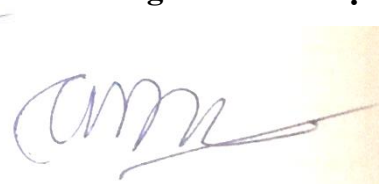
ThS. Trương Trung Phương

Trưởng bộ môn



TS. Trương Anh Thuận

Giảng viên biên soạn



ThS. Đặng Thị Thùy Dương

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1.1	Tên học phần (tiếng Việt)	Phương pháp tích hợp trong dạy học Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông
1.2	Tên học phần (tiếng Anh)	Integration method in history and geography teaching of high school
1.3	Mã học phần:	31821089
1.4	Số tín chỉ:	2TC
1.5	Phân bố thời gian:	
-	Lý thuyết:	1TC (15 tiết)
-	Thực hành Loại 1:	1TC (15 tiết)
-	Thực hành Loại 2:	0TC (0 tiết)
-	Tự học:	60 tiết
1.6	Các giảng viên phụ trách học phần:	
-	Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Trương Trung Phương TS. Nguyễn Văn Thái
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Đặng Thị Thùy Dương ThS. Đoàn Thị Thông
-	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	Lịch sử Việt Nam và PPDH
1.7	Điều kiện tham gia học phần:	
-	Học phần tiên quyết:	Không
-	Học phần học trước:	Không
-	Học phần song hành:	Không
1.8	Loại học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn bắt buộc ☐ Tự chọn tự do
1.9	Thuộc khối kiến thức	☐ Kiến thức Giáo dục đại cương ☐ Kiến thức Cơ sở ngành ☐ Kiến thức Chuyên ngành ☒ Kiến thức Nghiệp vụ Sư phạm ☐ Kiến thức Thực tập và Khóa luận

2. Mô tả tóm tắt học phần

Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm. Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp tích hợp trong dạy học Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông như: khái niệm, ý nghĩa của phương pháp tích hợp trong DHLS; phân loại phương pháp tích hợp; vận dụng phương pháp tích hợp trong dạy học Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông.

3. Mục tiêu học phần

3.1. Mục tiêu chung

Cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản về khái niệm, ý nghĩa của phương pháp tích hợp trong Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông; cơ sở và cách phân loại phương pháp tích hợp, các cấp độ tích hợp trong Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông. Rèn luyện cho người học năng lực vận dụng những hiểu biết về phương pháp tích hợp vào hoạt động giảng dạy Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông theo hướng phát triển năng lực học sinh.

3.2. Mục tiêu cụ thể (Course Objectives: COs)

- **CO1:** Có hiểu biết cơ bản về tích hợp, phương pháp tích hợp nói chung và phương pháp tích hợp trong Lịch sử và Địa lí nói riêng.
- **CO2:** Có khả năng phân loại được các phương pháp tích hợp trong Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông.
- **CO3:** Có khả năng vận dụng hiểu biết về phương pháp tích hợp để thiết kế, tổ chức dạy học một số chủ đề tích hợp trong chương trình môn Lịch sử và Địa lí cấp THCS.
- **CO4:** Có khả năng giao tiếp, làm việc nhóm hiệu quả và tư duy phản biện.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PIs	Mức độ của Pis
CLO1	Trình bày được khái niệm, ý nghĩa của việc vận dụng phương pháp tích hợp trong Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông.	1.5	R
CLO2	Phân loại được các phương pháp tích hợp trong dạy học nói chung và phương pháp tích hợp các thành tố cơ bản của quá trình Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông.	2.1	R

CLO3	Phân tích được quy trình xây dựng chủ đề tích hợp trong Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông	2.1	R
CLO4	Vận dụng được phương pháp tích hợp để xây dựng kế hoạch và tổ chức dạy học một số chủ đề trong chương trình môn Lịch sử và Địa lí cấp THCS.	2.2	M
CLO5	Sử dụng được các phương pháp đánh giá phù hợp khi tổ chức dạy học các chủ đề/bài học theo hướng tích hợp.	1.5	R
CLO6	Thể hiện tư duy phản biện và lập luận logic; kỹ năng tin học, làm việc nhóm, trình bày và thuyết trình vấn đề	7.1 7.2	R R

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)					
	PLO1	PLO2			PLO7	
	PI1.5	PI2.1	PI2.2	PI2.4	PI7.1	PI7.2
CLO 1	R					
CLO 2		R				
CLO3		R				
CLO 4			M			
CLO5	R			R		
CLO6					R	R

6. Đánh giá học phần

6.1. Phương pháp, hình thức đánh giá của học phần

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ, các hoạt động đánh giá khác.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CDR học phần có
---------------------	--------------	----------------------	-----------------	---------------------------	-------------------------	-----------------

						liên quan
A1. Đánh giá quá trình	A1.1. Chuyên cần	P1.1. Quan sát, điểm danh	R.01	W1.1. 30%	W1. 20%	CLO1-8
	A1.2. Tham gia hoạt động trên lớp	P1.2. Quan sát	R.01	W1.2. 30%		CLO 1-8
	A1.3. Thuyết trình nhóm	P1.3. Sản phẩm	R.03	W1.3. 40%		CLO1-7
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1. Bài kiểm tra	P2.1. Viết tự luận trên giấy	R.06	W2. 100%	W2. 30%	CLO1-6
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1. Bài kiểm tra	P3.1. Viết tự luận trên giấy	R.06	W3. 100%	W3. 50%	CLO1-6

6.2. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham gia ít nhất 80% số tiết học của lớp học phần;
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo qui định của lớp học phần;
- Tự tìm hiểu các vấn đề do giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học trên lớp;
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi (2 tiết buổi)	Nội dung chi tiết	Số tiết (LT/ THL1/ THL2)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
1	Chương 1: Tổng quan về phương pháp tích hợp trong dạy học Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông 1.1. Một số khái niệm. 1.2. Vị trí, ý nghĩa của việc vận dụng phương pháp tích hợp trong dạy học Lịch sử và Địa lí.	2/0/0	Thuyết trình; nêu và giải quyết vấn đề; hợp tác, thảo luận nhóm...	- Đọc TLTK 1 từ trang 7-44; TLTK 2 từ trang 128-136; TLTK 3 từ trang 342-344; - Nghe giảng và ghi chép; trao đổi đàm thoại; hợp tác làm việc nhóm...	A1.1- A1.3	CLO 1,6

2	Chương 1: Tổng quan về phương pháp tích hợp trong dạy học Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông 1.2. Vị trí, ý nghĩa của việc vận dụng phương pháp tích hợp trong dạy học Lịch sử và Địa lí.	2/0/0	Thuyết trình; nêu và giải quyết vấn đề; hợp tác, thảo luận nhóm...	- Đọc TLTK 1 từ trang 7-44; TLTK 2 từ trang 128-136; TLTK 3 từ trang 342-344; - Nghe giảng và ghi chép; trao đổi đàm thoại; hợp tác làm việc nhóm ...	A1.1- A1.3	CLO 1,6
3	Chương 1: Tổng quan về phương pháp tích hợp trong dạy học Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông 1.2. Vị trí, ý nghĩa của việc vận dụng phương pháp tích hợp trong dạy học Lịch sử và Địa lí.	2/0/0	Thuyết trình; nêu và giải quyết vấn đề; hợp tác, thảo luận nhóm...	- Đọc TLTK 1 từ trang 7-44; TLTK 2 từ trang 128-136; TLTK 3 từ trang 342-344; - Nghe giảng và ghi chép; trao đổi đàm thoại; hợp tác làm việc nhóm ...	A1.1- A1.3	CLO 1,6
4	Chương 2: Phương pháp tích hợp trong các thành tố cơ bản của quá trình dạy học Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông 2.1. Các cấp độ tích hợp trong giáo dục.	1/1/0	Thuyết trình; nêu và giải quyết vấn đề; hợp tác, thảo luận nhóm...	- Đọc TLTK 1 từ trang 7-44; - Nghe giảng và ghi chép; trao đổi đàm thoại; hợp tác làm việc nhóm ...	A1.1- A1.3.	CLO 2,6
5	Chương 2: Phương pháp tích hợp trong các thành tố cơ bản của quá trình dạy học Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông 2.1. Các cấp độ tích hợp trong giáo dục.	1/1/0	Thuyết trình; nêu và giải quyết vấn đề; hợp tác, thảo luận nhóm...	- Đọc TLTK 1 từ trang 7-44; - Nghe giảng và ghi chép; trao đổi đàm thoại; hợp tác làm việc nhóm ...	A1.1- A1.3.	CLO 2,6
6	Chương 2: Phương pháp tích hợp trong các thành tố cơ bản của quá trình dạy học Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông 2.1. Các cấp độ tích hợp trong giáo dục. 2.2. Tích hợp trong các thành tố cơ bản của quá trình dạy học Lịch sử và Địa lí.	1/1/0	Thuyết trình; nêu và giải quyết vấn đề; hợp tác, thảo luận nhóm...	- Đọc TLTK 1 từ trang 7-44; - Nghe giảng và ghi chép; trao đổi đàm thoại; hợp tác làm việc nhóm ...	A1.1- A1.3.	CLO 2,6

7	Chương 2: Phương pháp tích hợp trong các thành tố cơ bản của quá trình dạy học Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông 2.2. Tích hợp trong các thành tố cơ bản của quá trình dạy học Lịch sử và Địa lí.	1/1/0	Thuyết trình; nêu và giải quyết vấn đề; hợp tác, thảo luận nhóm...	- Đọc TLTK 1 từ trang 7-44; - Nghe giảng và ghi chép; trao đổi đàm thoại; hợp tác làm việc nhóm ...	A1.1- A1.3.	CLO 2,6
8	Kiểm tra giữa kì		GV tổ chức sinh viên là bài kiểm tra giữa kì theo hình thức tự luận.	SV ôn tập và tham gia làm bài kiểm tra.	A2.1	CLO 1-6
9	Chương 2: Phương pháp tích hợp trong các thành tố cơ bản của quá trình dạy học Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông 2.2. Tích hợp trong các thành tố cơ bản của quá trình dạy học Lịch sử và Địa lí.	1/1/0	Thuyết trình; nêu và giải quyết vấn đề; hợp tác, thảo luận nhóm...	- Đọc TLTK 1 từ trang 7-44; - Nghe giảng và ghi chép; trao đổi đàm thoại; hợp tác làm việc nhóm ...	A1.1- A1.3.	CLO 2,6
10	Chương 2: Phương pháp tích hợp trong các thành tố cơ bản của quá trình dạy học Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông Thực hành xác định các thành tố cơ bản cần tích hợp quá trình dạy học Lịch sử và Địa lí.	0/2/0	Thuyết trình; nêu và giải quyết vấn đề; hợp tác, thảo luận nhóm...	- Đọc TLTK 1 từ trang 7-44; - Nghe giảng và ghi chép; trao đổi đàm thoại; hợp tác làm việc nhóm ...	A1.1- A1.3.	CLO 2,6
11	Chương 2: Phương pháp tích hợp trong các thành tố cơ bản của quá trình dạy học Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông Thực hành xác định các thành tố cơ bản cần tích hợp quá trình dạy học Lịch sử và Địa lí.	1/1/0	Thuyết trình; nêu và giải quyết vấn đề; hợp tác, thảo luận nhóm...	- Đọc TLTK 1 từ trang 7-44; - Nghe giảng và ghi chép; trao đổi đàm thoại; hợp tác làm việc nhóm ...	A1.1- A1.3.	CLO 2,6
12	Chương 3. Xây dựng kế hoạch dạy học chủ đề/bài học theo hướng tích hợp	1/1/0	Thuyết trình; nêu và giải quyết vấn đề;	- Đọc TLTK 1 từ trang 7-213; - Nghe giảng và ghi chép; trao	A1.1- A1.3.	CLO 3,4,5,6

	3.1. Cấu trúc và quy trình xây dựng.		hợp tác, thảo luận nhóm...	đổi đàm thoại; hợp tác làm việc nhóm ...		
13	Chương 3. Xây dựng kế hoạch dạy học chủ đề/bài học theo hướng tích hợp 3.1. Cấu trúc và quy trình xây dựng. 3.2. Tổ chức dạy học chủ đề/bài học tích hợp.	10	Thuyết trình; nêu và giải quyết vấn đề; hợp tác, thảo luận nhóm...	- Đọc TLTK 1 từ trang 7-213; - Nghe giảng và ghi chép; trao đổi đàm thoại; hợp tác làm việc nhóm ...	A1.1- A1.3.	CLO 3,4,5,6
14	Chương 3. Xây dựng kế hoạch dạy học chủ đề/bài học theo hướng tích hợp 3.2. Tổ chức dạy học chủ đề/bài học tích hợp.	1/1/0	Thuyết trình; nêu và giải quyết vấn đề; hợp tác, thảo luận nhóm...	- Đọc TLTK 1 từ trang 7-213; - Nghe giảng và ghi chép; trao đổi đàm thoại; hợp tác làm việc nhóm ...	A1.1- A1.3.	CLO 3,4,5,6
15	Chương 3. Xây dựng kế hoạch dạy học chủ đề/bài học theo hướng tích hợp Thực hành Tổ chức dạy học chủ đề/bài học tích hợp.	0/2/0	Thuyết trình; nêu và giải quyết vấn đề; hợp tác, thảo luận nhóm...	- Đọc TLTK 1 từ trang 7-213; - Nghe giảng và ghi chép; trao đổi đàm thoại; hợp tác làm việc nhóm ...	A1.1- A1.3.	CLO 3,4,5,6
16	Chương 3. Xây dựng kế hoạch dạy học chủ đề/bài học theo hướng tích hợp Thực hành Tổ chức dạy học chủ đề/bài học tích hợp.	0/2/0	Thuyết trình; nêu và giải quyết vấn đề; hợp tác, thảo luận nhóm...	- Đọc TLTK 1 từ trang 7-213; - Nghe giảng và ghi chép; trao đổi đàm thoại; hợp tác làm việc nhóm ...	A1.1- A1.3.	CLO 3,4,5,6
17	Kiểm tra kết thúc học phần		GV ra đề và tổ chức kiểm tra kết thúc học phần theo lịch thi của nhà trường.	SV ôn tập và tham gia làm bài kiểm tra.	A3.1	CLO 1-6

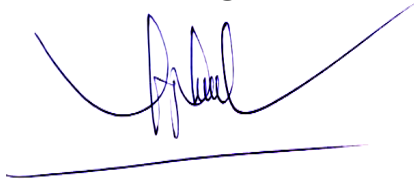
8. Học liệu

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
	Sách, bài giảng, giáo trình chính			
1	Trần Thị Thanh Thủy (Cb)	2016	Dạy học tích hợp phát triển năng lực học sinh	Đại học Sư phạm

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Sách, giáo trình tham khảo				
2	Vũ Quang Hiền, Hoàng Thanh Tú	2014	Phương pháp dạy học môn Lịch sử ở trường THPT	Đại học Quốc gia Hà Nội
3	Phan Ngọc Liên (Cb)	2007	Phương pháp DHLS (tập 1)	Đại học Sư phạm

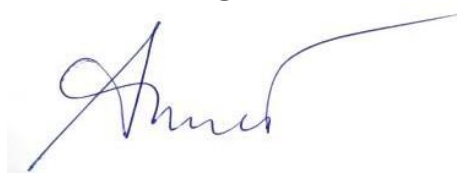
Đà Nẵng, ngày 29 tháng 6 năm 2022

P.Trưởng khoa



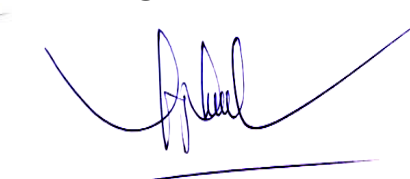
ThS. Trương Trung Phương

Trưởng bộ môn



TS. Trương Anh Thuận

Giảng viên biên soạn



ThS. Trương Trung Phương

56. KIẾN TẬP SƯ PHẠM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
KHOA LỊCH SỬ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Sư phạm Lịch sử

Mã số: 7140218

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin chung về học phần**

1.1	Tên học phần (tiếng Việt)	Kiến tập
1.2	Tên học phần (tiếng Anh)	Pedagogical training
1.3	Mã học phần:	318 2 1849
1.4	Số tín chỉ:	2TC
1.5	Phân bố thời gian:	
-	Lý thuyết:	0TC (0 tiết)
-	Thực hành loại 1:	0TC (0 tiết)
-	Thực hành loại 2:	2TC (60 tiết)
-	Tự học:	
1.6	Các giảng viên phụ trách học phần:	
-	Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Trương Trung Phương
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Đặng Thị Thùy Dương
-	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	Lịch sử Việt Nam và PPDH
1.7	Điều kiện tham gia học phần:	
-	Học phần tiên quyết:	Không
-	Học phần học trước:	Không
-	Học phần song hành:	Không
1.8	Loại học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn bắt buộc ☐ Tự chọn tự do
1.9	Thuộc khối kiến thức	☐ Kiến thức Giáo dục đại cương ☐ Kiến thức Cơ sở ngành ☐ Kiến thức Chuyên ngành ☐ Kiến thức Nghiệp vụ Sư phạm ☒ Kiến thức Thực tập và Khóa luận

2. Mô tả tóm tắt học phần

Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức thực tập và khóa luận dành cho sinh viên chuyên ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lý. Người học có 3 tuần đến cơ sở thực tập để thực hiện và hoàn thành các nội dung sau:

- Tìm hiểu và viết bài thu hoạch về thực tế giáo dục ở trường cơ sở thực tập ;
- Tìm hiểu và viết bài thu hoạch về công việc của giáo viên bộ môn ...;
- Tìm hiểu và viết bài thu hoạch về công việc của người giáo viên chủ nhiệm lớp;
- Dự giờ giảng dạy, sinh hoạt chủ nhiệm của giáo viên hướng dẫn. Trao đổi, thảo luận với giáo viên hướng dẫn và giáo sinh cùng nhóm để rút kinh nghiệm sau mỗi tiết dự giờ.

3. Mục tiêu học phần

3.1. Mục tiêu chung

Học phần này hình thành tri thức thực tiễn về nhà trường, các hoạt động dạy học, giáo dục ở cơ sở thực tập thông qua nhiệm vụ quan sát, trực tiếp tham gia hỗ trợ một số các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của người giáo viên; từ đó vận dụng vào học tập, rèn luyện hình thành năng lực và phẩm chất, đạo đức nhà giáo..

3.2. Mục tiêu cụ thể (Course Objectives: COs)

Học xong học phần kiến tập người học:

- **CO1:** Có tri thức về cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ, quy trình tổ chức các hoạt động dạy học, giáo dục ở cơ sở thực tập.
- **CO2:** Có khả năng đối sánh kế hoạch bài dạy, kế hoạch chủ nhiệm cho tuần, cho tiết sinh hoạt chủ nhiệm.
- **CO3:** Có tư duy phản biện, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm.
- **CO4:** Có khả năng phân tích và xử lý các tình huống phát sinh trong môi trường sư phạm.
- **CO5:** Có ý thức kỉ luật, tác phong nhà giáo..

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PIs	Mức độ của PIs
CLO1	Khái quát được đặc điểm, tình hình về nhà trường phổ thông, về công tác dạy học và chủ nhiệm lớp.	PI2.1 PI4.3	R R,A
CLO2	Phân tích được tiến trình dạy học và giáo dục thông qua hoạt	PI2.1	R

	động dự giờ chuyên môn, chủ nhiệm lớp.	PI4.2 PI4.3	R R
CLO3	Thiết kế được giáo án dạy học và giáo án sinh hoạt chủ nhiệm theo quy định.	PI2.3 PI2.4 PI3.1	R R R
CLO4	Vận dụng thành thạo và hiệu quả các phương thức giao tiếp phù hợp với tâm lý HS và đặc trưng môn học.	PI4.1 PI7.1	R R,A
CLO5	Thể hiện ý thức trách nhiệm, tính kỉ luật, tôn trọng tập thể và giải quyết tốt các tình huống trong môi trường sư phạm.	PI4.3 PI8.1 PI8.2 PI8.4	R R R R
CLO6	Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm hiệu quả.	PI7.2 PI7.3	M,A M,A

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)																
	PLO1	PLO2				PLO3	PLO4			PLO5	PLO6	PLO7			PLO8		
		PI2.1	PI2.2	PI2.3	PI2.4	PI3.1	PI4.1	PI4.2	PI4.3			PI7.1	PI7.2	PI7.3	PI8.1	PI8.2	PI8.4
CLO 1		R							R								
CLO 2		R															
CLO3			R	R	M	R											
CLO 4							R					M,A					
CLO5									R						R,A	M	R,A
CLO6													M,A	M,A			
CLO7																	

6. Đánh giá học phần

6.1. Phương pháp, hình thức đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CDR học phần có liên quan
A1. Đánh giá tìm hiểu thực tế giáo dục	Tìm hiểu thực tế giáo dục	Báo cáo thu hoạch	Theo quy định kiến tập, thực tập sư phạm hiện hành	W1 100	W1 16,7	CLO1; CLO2
A2. Đánh giá dự giờ giảng dạy	A2.1. Tìm hiểu về công việc, hồ sơ của giáo viên bộ môn	Báo cáo thu hoạch		W2.1 33,3	W2 50	CLO1,2,4, 5,6
	A2.2. Kiến tập giảng dạy	Phiếu đánh giá		W2.2 66,7		
A3. Đánh giá kiến tập chủ nhiệm	A3.1. Tìm hiểu về công việc, hồ sơ của giáo viên chủ nhiệm	Báo cáo thu hoạch		W3.1 33,3	W3 33	CLO1 - CLO1,2,4, 5,6
	A3.2. Kiến tập chủ nhiệm	Phiếu đánh giá		W3.2 66,7		

6.2. Nhiệm vụ của người học

- Tham gia đầy đủ các hoạt động kiến tập theo kế hoạch của nhà trường.
- Hoàn thành yêu cầu, nhiệm vụ của giáo viên hướng dẫn.
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần về tìm hiểu trường, các giáo án dự giờ chuyên môn và dự giờ công tác chủ nhiệm.
- Hoàn thành hồ sơ kiến tập.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi	Nội dung chi tiết của Bài học/Chương	Số giờ (LT/THL1/THL2)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
1	Hoạt động 1: Tìm hiểu thực tế giáo dục	0/0/40	Thuyết trình	Thực hành	A1	CLO1

	1.1 Tiếp cận trường, lớp và giáo viên hướng dẫn kiến tập sư phạm 1.2 Nghe báo cáo chung về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và hoạt động cơ bản của trường phổ thông; phương hướng, kế hoạch hoạt động; tình hình học sinh và những công việc cụ thể của giáo sinh trong thời gian kiến tập. 1.3. Viết bài thu hoạch tìm hiểu thực tế giáo dục					CLO2 CLO3 CLO4 CLO5
2	Hoạt động 2: Thực hành kiến tập giảng dạy 2.1. Tìm hiểu nội dung công việc của giáo viên tổ bộ môn 2.2. Tìm hiểu nội dung, chương trình, sách giáo khoa, kế hoạch giảng dạy. 2.3. Tìm hiểu hồ sơ sổ sách lớp học, cách cho điểm, đánh giá... 2.4. Dự giờ giáo viên hướng dẫn theo định mức 4 tiết/giáo sinh 2.5. Xây dựng kế hoạch bài dạy trước khi dự giờ 2.6. Viết bài thu hoạch về công việc và hồ sơ của giáo viên bộ môn	0/0/40	Thuyết trình	Thực hành	A2	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
3	Hoạt động 3: Thực hành kiến tập chủ nhiệm 3.1. Tìm hiểu nội dung công việc của giáo chủ nhiệm lớp.	0/0/30	Thuyết trình	Thực hành	A3	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5

	3.2. Tìm hiểu hồ sơ công tác chủ nhiệm lớp, cách phân loại học lực, hạnh kiểm ... 3.3. Dự giờ sinh hoạt chủ nhiệm của giáo viên hướng dẫn theo định mức 2 tiết/giáo sinh, tham dự ngoại khóa... 3.4. Xây dựng kế hoạch chủ nhiệm tuần, tiết sinh hoạt trước khi dự giờ. 3.5. Viết bài thu hoạch tìm hiểu về công việc, hồ sơ của giáo viên chủ nhiệm					CLO6
	Nội dung 4. Sơ kết, tổng kết, hồ sơ kiến tập sư phạm 4.1. Sơ kết kiến tập sư phạm. 4.2. Tổng kết kiến tập sư phạm. 4.3. Hoàn thiện Hồ sơ kiến tập sư phạm.	0/0/10	Thuyết trình	Thực hành		

8. Học liệu

8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

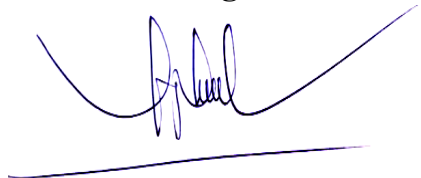
TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
	Sách, bài giảng, giáo trình chính			
1	Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng	2020	Quy định Kiến tập và Thực tập sư phạm	Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng
	Sách, giáo trình tham khảo			
1	Bộ Giáo dục và đào tạo	2001	Quy chế kiến tập, thực tập sư phạm	NXB Thống kê
2	Nguyễn Đình Chính	1991	Thực tập Sư phạm	NXB Giáo dục Việt Nam

8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Quy định của Trường ĐHSP – ĐHDN	http://daotao.ued.udn.vn/thuc-tap-su-pham-hoc-ky-2-nam-hoc-2010-2021/quy_dinh_kien_tap_thuc_tap_1639_dn/	02/7/2021
2	Chương trình tổng thể	http://rgep.moet.gov.vn/chuong-trinh-gdpt-moi/chuong-trinh-cac-mon-hoc/gioi-thieu-tom-tat/gioi-thieu-tom-tat-chuong-trinh-tong-the-4764.html	17/1/2019
3	Chương trình môn Lịch sử	http://rgep.moet.gov.vn/chuong-trinh-gdpt-moi/chuong-trinh-cac-mon-hoc/gioi-thieu-tom-tat/gioi-thieu-tom-tat-chuong-trinh-mon-lich-su-4772.html	28/12/2018

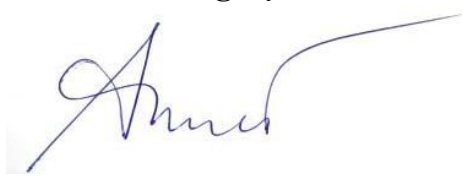
Đà Nẵng, ngày 29 tháng 6 năm 2022

P.Trưởng khoa



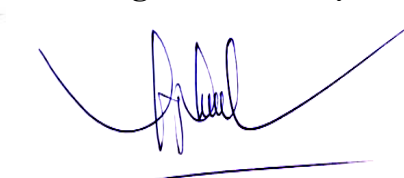
ThS. Trương Trung Phương

Trưởng bộ môn



TS. Trương Anh Thuận

Giảng viên biên soạn



ThS. Trương Trung Phương

57. THỰC TẬP SƯ PHẠM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHOA LỊCH SỬĐộc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Sư phạm Lịch sử và Địa lí

Mã số: 7140249

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin chung về học phần**

1.1	Tên học phần (tiếng Việt)	Thực tập sư phạm
1.2	Tên học phần (tiếng Anh)	Pedagogical internship
1.3	Mã học phần:	30341843
1.4	Số tín chỉ:	4TC
1.5	Phân bố thời gian:	
-	Lý thuyết:	0 TC (0 tiết)
-	Thực hành loại 1:	0 TC (0 tiết)
-	Thực hành loại 2:	4TC (240 tiết)
-	Tự học:	120 tiết
1.6	Các giảng viên phụ trách học phần:	
-	Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Trương Trung Phương
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Đặng Thị Thùy Dương
-	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	Lịch sử Việt Nam và PPDH
1.7	Điều kiện tham gia học phần:	
-	Học phần tiên quyết:	
-	Học phần học trước:	Kiến tập sư phạm
-	Học phần song hành:	
1.8	Loại học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn bắt buộc ☐ Tự chọn tự do
1.9	Thuộc khối kiến thức	☐ Kiến thức Giáo dục đại cương ☐ Kiến thức Cơ sở ngành ☐ Kiến thức Chuyên ngành ☐ Kiến thức Nghiệp vụ Sư phạm ☒ Kiến thức Thực tập và Khóa luận

2. Mô tả tóm tắt học phần

Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức thực tập và khóa luận trong chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử. Người học có 8 tuần đến cơ sở thực tập để thực hiện và hoàn thành các nội dung sau:

- Thực hành các khâu của quy trình dạy học từ việc chuẩn bị đến việc lên lớp, củng cố kiến thức, chấm bài kiểm tra, vào điểm,...
- Thực hành các nghiệp vụ của giáo viên chủ nhiệm từ nắm bắt tình hình lớp, đội ngũ cán bộ lớp, hội cha mẹ học sinh, tổ chức các phong trào thi đua học tập và rèn luyện cho học sinh, đánh giá, xếp loại học sinh,...
- Phối hợp với các tổ chức đoàn thể của trường để tổ chức lễ kỷ niệm các ngày lễ lớn, hoạt động trải nghiệm, hoạt động xã hội, lao động công ích,...
- Trao đổi với giáo viên hướng dẫn và giáo sinh cùng nhóm để rút kinh nghiệm sau mỗi tiết lên lớp.

3. Mục tiêu học phần

3.1. Mục tiêu chung

Học phần này hình thành cho người học các kỹ năng nghề nghiệp; phẩm chất, đạo đức nhà giáo, ý thức phục vụ cộng đồng và tinh thần khởi nghiệp thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ thực tập dạy học, giáo dục tại cơ sở thực tập theo quy định.

3.2. Mục tiêu cụ thể (Course Objectives: COs)

Học xong học phần Thực tập sư phạm người học:

- **CO1:** Có năng lực tổ chức các hoạt động dạy học, giáo dục trong lĩnh vực Lịch sử và Địa lí
- **CO2:** Có kỹ năng kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả.
- **CO3:** Có khả năng giải quyết các tình huống phát sinh trong môi trường sư phạm;
- **CO4:** Có phẩm chất, đạo đức nhà giáo; ý thức phục vụ cộng đồng.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PIs	Mức độ của PIs
CLO1	Xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục người học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực.	2.1	R
		2.2	R
		3.1	M

CLO2	Thực hiện hoạt động dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực	2.3	R,A
		2.4	R
CLO3	Phối hợp với các lực lượng giáo dục tại cơ sở thực tập tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, phục vụ cộng đồng.	4.3	M
		7.2	M,A
		8.3	M
CLO4	Phát hiện và giải quyết những tình huống học tập đa dạng xảy ra trong cơ sở thực tập	4.1	R,A
		4.2	M,A
CLO5	Quản lý tập thể học sinh và quản lý hành vi học sinh	4.1	R,A
		4.2	M,A
CLO6	Thực hiện hành vi ứng xử phù hợp với phẩm chất, đạo đức nhà giáo	7.1	M,A
		8.1	M,A
		8.4	M,A

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)													
	PLO2				PLO3	PLO4			PLO7			PLO8		
	PI2.1	PI2.2	PI2.3	PI2.4	PI3.1	PI4.1	PI4.2	PI4.3	PI7.1	PI7.2	PI7.3	PI8.1	PI8.3	PI8.4
CLO 1	R	R			M									
CLO 2			R,A	R										
CLO3								M		M,A	M,A		M	
CLO 4						R,A	M,A							
CLO5						R,A	M,A							
CLO6									M,A			MA,		M,A

6. Đánh giá học phần

6.1. Phương pháp, hình thức đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CDR học phần có liên quan
A2. Đánh giá Thực tập giảng dạy	Thực tập giảng dạy trên lớp	Phiếu đánh giá	Theo Quy định Kiến tập, Thực tập sư phạm hiện hành	W2 100%	W2 60%	CLO1 -6
A3. Đánh giá Thực tập chủ nhiệm	Thực tập chủ nhiệm	Phiếu đánh giá		W3 100%	W3 40%	CLO1 -6

6.2. Nhiệm vụ của người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tham gia tất cả các buổi dự giờ của GV hướng dẫn giảng dạy;
- Tham gia các hoạt động chủ nhiệm lớp, công tác hoạt động tại trường;
- Thực hiện đầy đủ các tiết giảng dạy theo quy định;
- Thực hiện đầy đủ các tiết chủ nhiệm theo quy định;
- Hoàn thiện hồ sơ thực tập.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số giờ (LT/THL2/THL2)	Hoạt động thực tập		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Giáo viên hướng dẫn	Giáo sinh		
1	Hoạt động 1: Thực tập giảng dạy 1.1. Lập kế hoạch thực tập giảng dạy. 1.2. Dự giờ giảng dạy của giáo viên hướng dẫn giảng dạy 1 tiết. Hoạt động 2: Thực tập chủ nhiệm	0/0/15	Thuyết trình	Thực hành	A2	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

	2.1. Lập kế hoạch thực tập giảng dạy. 2.2. Dự giờ chủ nhiệm của giáo viên hướng dẫn 1 tiết.					
2	Hoạt động 1: Thực tập giảng dạy 1.4. Dự giờ giáo sinh cùng nhóm chuyên môn 3 tiết. 1.5. Xây dựng kế hoạch bài dạy trình giáo viên hướng dẫn phê duyệt Hoạt động 2: Thực tập chủ nhiệm 2.3. Xây dựng giáo án chủ nhiệm trình giáo viên hướng dẫn phê duyệt.	0/0/35	Thuyết trình	Thực hành	A2	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
3	Hoạt động 1: Thực tập giảng dạy 1.6. Thực tập giảng dạy (tiết 1). Hoạt động 2: Thực tập chủ nhiệm 2.4. Thực tập chủ nhiệm (tiết 1).	0/0/35	Thuyết trình	Thực hành	A2	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
4	Hoạt động 1: Thực tập giảng dạy 1.6. Thực tập giảng dạy (tiết 2). Hoạt động 2: Thực tập chủ nhiệm 2.4. Thực tập chủ nhiệm (tiết 2).	0/0/35	Thuyết trình	Thực hành	A2	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
5	Hoạt động 1: Thực tập giảng dạy	0/0/35	Thuyết trình	Thực hành	A3	CLO1 CLO2

	1.6. Thực tập giảng dạy (tiết 3). Hoạt động 2: Thực tập chủ nhiệm 2.4. Thực tập chủ nhiệm (tiết 3).					CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
6	Hoạt động 1: Thực tập giảng dạy 1.6. Thực tập giảng dạy (tiết 4). Hoạt động 2: Thực tập chủ nhiệm 2.4. Thực tập chủ nhiệm (tiết 4).	0/0/35	Thuyết trình	Thực hành	A3	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
7	Hoạt động 1: Thực tập giảng dạy 1.6. Thực tập giảng dạy (tiết 5). Hoạt động 2: Thực tập chủ nhiệm 2.4. Thực tập chủ nhiệm (tiết 5).	0/0/35	Thuyết trình	Thực hành	A2 A3	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
8	Hoạt động 3: Sơ kết, tổng kết và hồ sơ thực tập sư phạm 4.1. Sơ kết thực tập sư phạm 4.2. Tổng kết thực tập sư phạm 4.3. Hồ sơ thực tập sư phạm	0/0/15	Thuyết trình	Thực hành	A2 A3	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

8. Học liệu

8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
	Sách, bài giảng, giáo trình chính			

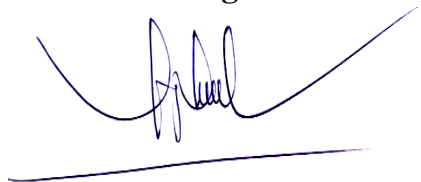
TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
1	Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng	2020	Quy định Kiến tập và Thực tập sư phạm	Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng
Sách, giáo trình tham khảo				
1	Bộ Giáo dục và đào tạo	2001	Quy chế kiến tập, thực tập sư phạm	NXB Thống kê
2	Nguyễn Đình Chinh	1991	Thực tập Sư phạm	Nxb Giáo dục Việt Nam

8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Quy định của Trường ĐHSP - ĐHĐN	http://daotao.ued.udn.vn/thuc-tap-su-pham-hoc-ky-2-nam-hoc-2010-2021/quy_dinh_kien_tap_thuc_tap_1639_dn/	2/7/2021
2	Chương trình tổng thể	http://rgep.moet.gov.vn/chuong-trinh-gdpt-moi/chuong-trinh-cac-mon-hoc/gioi-thieu-tom-tat/gioi-thieu-tom-tat-chuong-trinh-tong-the-4764.html	17/1/2019
3	Chương trình môn Lịch sử	http://rgep.moet.gov.vn/chuong-trinh-gdpt-moi/chuong-trinh-cac-mon-hoc/gioi-thieu-tom-tat/gioi-thieu-tom-tat-chuong-trinh-mon-lich-su-4772.html	28/12/2018

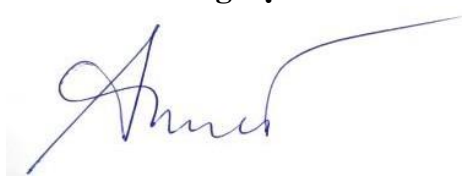
Đà Nẵng, ngày 29 tháng 6 năm 2022

P.Trưởng khoa



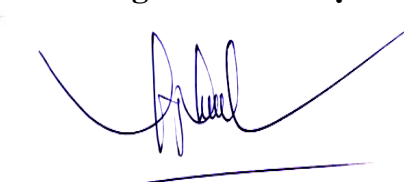
ThS. Trương Trung Phương

Trưởng bộ môn



TS. Trương Anh Thuận

Giảng viên biên soạn



ThS. Trương Trung Phương

58. KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHOA: LỊCH SỬĐộc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Sư phạm Lịch sử và Địa lí

Mã số: 7140249

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin chung về học phần**

1.1	Tên học phần (tiếng Việt)	Khóa luận tốt nghiệp
1.2	Tên học phần (tiếng Anh)	Graduation thesis
1.3	Mã học phần:	31861338
1.4	Số tín chỉ:	6TC
1.5	Phân bố thời gian:	
-	Lý thuyết:	0TC (0 tiết)
-	Thực hành Loại 1:	6TC (90 tiết)
-	Thực hành Loại 2:	0TC (0 tiết)
-	Tự học:	180 tiết
1.6	Các giảng viên phụ trách học phần:	
-	Giảng viên phụ trách chính:	Khoa Lịch sử, Khoa Địa lí
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Khoa Lịch sử, Khoa Địa lí
-	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	Lịch sử Việt Nam và phương pháp dạy học Lịch sử thế giới Địa lí tự nhiên và phương pháp dạy học Địa lí kinh tế xã hội
1.7	Điều kiện tham gia học phần:	
-	Học phần tiên quyết:	Không
-	Học phần học trước:	Không
-	Học phần song hành:	Không
1.8	Loại học phần:	☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn bắt buộc ☐ Tự chọn tự do
1.9	Thuộc khối kiến thức	☐ Kiến thức Giáo dục đại cương ☐ Kiến thức Cơ sở ngành ☐ Kiến thức Chuyên ngành ☐ Kiến thức Nghiệp vụ Sư phạm ☒ Kiến thức Thực tập và Khóa luận

2. Mô tả tóm tắt học phần

Khóa luận tốt nghiệp là học phần giúp sinh viên được tập dượt về hoạt động nghiên cứu khoa học. Trên cơ sở những kiến thức đã học sinh viên lựa chọn đề tài, lập đề cương và hoàn thành nội dung đề tài nghiên cứu theo sự định hướng của giảng viên hướng dẫn. Qua quá trình này giúp nâng cao năng lực nghiên cứu, khắc sâu thêm kiến thức chuyên ngành tạo tiền đề quan trọng cho việc phát triển và học lên bậc học cao hơn của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

3. Mục tiêu học phần

3.1. Mục tiêu chung

Bên cạnh giảng dạy, nghiên cứu khoa học là một trong những nhiệm vụ quan trọng của sinh viên ở bậc đại học. Thông qua hoạt động này sẽ giúp sinh viên thể hiện được cách tiếp cận, nhìn nhận đánh giá của mình đối với các vấn đề nghiên cứu về lịch sử, địa lí và khoa học giáo dục. Vì vậy, khi đăng kí tham gia thực hiện khóa luận tốt nghiệp, sinh viên sẽ có được cơ hội tốt để thực hành và hiểu rõ hơn quy trình thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học, cách xác định một đề tài nghiên cứu khoa học, tiếp cận các nguồn tài liệu và định hướng phương pháp nghiên cứu để hoàn thiện đề tài nghiên cứu khoa học mà mình đã xác định. Qua đó, không chỉ giúp sinh viên phát triển được năng lực nghiên cứu khoa học, phát huy sức sáng tạo và năng lực tư duy của mình, giúp sinh viên có khả năng tự học và phát triển năng lực nghề nghiệp suốt đời.

3.2. Mục tiêu cụ thể (Course Objectives: COs)

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có:

- **CO1:** Kiến thức về các công việc, gia đoạn để hoàn thành một đề tài khóa luận tốt nghiệp.
- **CO2:** Khả năng vận dụng được những kiến thức đã học để xác định và thực hiện được một đề tài nghiên cứu hoàn chỉnh.
- **CO3:** Khả năng vận dụng kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và công nghệ thông tin để hoàn thiện và bảo vệ được đề tài nghiên cứu.

CO4: Thể hiện được ý thức phát triển năng lực nghiên cứu và học tập suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PIs	Mức độ đáp ứng PIs
CLO1	Vận dụng những kiến thức lịch sử và địa lí xây dựng nội dung đề tài khóa luận nghiên cứu	PI1.4	R

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PIs	Mức độ đáp ứng Pis
CLO2	Đề xuất hướng nghiên cứu, đề tài nghiên cứu và trao đổi với giáo viên hướng dẫn để xác định đề tài khóa luận vừa có ý nghĩa về mặt lý luận và thực tiễn.	PI5.1 PI8.4	M M
CLO3	Phân tích làm rõ về phần mở đầu, cấu trúc các chương mục và nguồn tài liệu nghiên cứu đề tài để hoàn thiện bản thuyết minh của đề tài.	PI5.2 PI6.1	M R
CLO4	Tiến hành sưu tầm tài liệu, chọn phương pháp tiếp cận phù hợp xây dựng nội dung đề tài khóa luận.	PI5.2	M
CLO5	Sử dụng ngoại ngữ để khai thác thông tin từ các nguồn tài liệu tham khảo nước ngoài liên quan đến đề tài nghiên cứu	PI3.3	R
CLO6	Viết được báo cáo kết quả nghiên cứu theo quy định của một công Trình nghiên cứu khoa học	PI5.3	M
CLO7	Thiết kế power point nội dung nghiên cứu và trình bày trước hội đồng đánh giá khóa luận.	PI3.1	I
CLO8	Trình bày và trả lời được những câu hỏi liên quan đến đề tài khóa luận của mình trước hội đồng đánh giá khóa luận.	PI5.3	M

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

Điền một trong các mức I, R, M hoặc chừa trống (nếu không có sự liên hệ) và điền A vào ô tương ứng

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)							
	PLO1	PLO3		PLO5			PLO6	PLO8
	PI1.4	PI3.1	PI3.3	PI5.1	PI5.2	PI5.3	PI6.1	PI8.4
CLO 1	R							
CLO 2				M				M

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)							
	PLO1	PLO3		PLO5			PLO6	PLO8
	PI1.4	PI3.1	PI3.3	PI5.1	PI5.2	PI5.3	PI6.1	PI8.4
CLO 3					M		R	
CLO 4					M		R	
CLO 5			R					
CLO 6						M		
CLO 7		I						
CLO 8						M		

6. Đánh giá học phần

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của học phần

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ, các hoạt động đánh giá khác.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CDR học phần có liên quan
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Đánh giá chuyên cần, thái độ học tập	P1.1. Quan sát.	R.01	W1.1. 100%	W1. 20%	CLO 1-8
A2. Đánh giá cuối kỳ	A2.1. Bảo vệ khóa luận	P2.1. Bài khóa luận tốt nghiệp	R.07	W2.1 100%	W2. 80%	CLO 8

6.2. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:
- Tham gia ít nhất 80% số tiết học của lớp học phần;
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo qui định của lớp học phần;

- Tự tìm hiểu các vấn đề do giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học trên lớp;
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần	Nội dung chi tiết của hoạt động thực hiện khoa luận tốt nghiệp	Số tiết (LT/THL1/THL2)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
1	Hoạt 1: Hoàn thiện tên đề tài nghiên cứu khóa luận tốt nghiệp. - Đề xuất tên đề tài nghiên cứu và thống nhất với giảng viên cố vấn. - Hoàn thiện tên đề tài nghiên cứu theo góp ý của hội đồng Khoa.	0/6/0	Giảng viên định hướng cho sinh viên lựa chọn đề tài nghiên cứu có đóng góp về mặt khoa học và thực tiễn.	Sinh viên tìm hiểu, nghiên cứu tài liệu tham khảo đề xuất đề tài nghiên cứu..	A1.1	CLO1, 2
2	Hoạt động 2. Xây dựng đề cương chi tiết và kế hoạch nghiên cứu đề tài. - Thống nhất với giáo viên hướng dẫn và xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học - Hoàn thiện đề cương nghiên cứu trên cơ sở góp ý của các thầy cô giáo trong Khoa. - Thống nhất xây dựng kế hoạch nghiên cứu với giảng viên hướng dẫn.	0/6/0	Giảng viên định hướng sinh viên các công việc cần làm, những địa điểm, nguồn tài liệu cần khai thác để hoàn thiện nội dung đề tài nghiên cứu.	Sinh viên tiến hành: - Sưu tầm các nguồn tài liệu, hoàn thiện các nội dung của đề tài nghiên cứu. - Cụ thể hóa các mốc thời gian triển khai khóa luận tốt nghiệp	A1.1	CLO3
3-12	Hoạt động 3: Thực hiện đề tài nghiên cứu - Sưu tầm tài liệu trong và ngoài nước liên quan đến đề tài.	0/60/0	Giảng viên định hướng, hỗ trợ cho nội dung từng chương mục	Sinh viên sưu tầm tài liệu, hoàn thiện nội dung từng chương mục	A1.1	CLO4, 5

	- Tổng hợp, xử lý tài liệu sưu tầm được và hoàn thiện nội dung từng chương mục.		trong đề tài nghiên cứu khóa luận của sinh viên.	và chỉnh sửa theo góp ý của giảng viên hướng dẫn.		
13-14	Hoạt động 4: - Hoàn thiện bản báo cáo đề tài khóa luận. - Chuẩn bị slide và nội dung bảo vệ khóa luận tốt nghiệp	0/12/0	Giảng viên rà soát đồng ý cho sinh viên hoàn thiện và in thành phẩm khóa luận tốt nghiệp.	Sinh viên rà soát lại lỗi chính tả, lỗi văn bản và quy định thực hiện khóa luận của nhà trường để hoàn thiện bản cuối và tiến hành in ấn.	A1.1 A2.1	CLO6
15	Hoạt động 5: Bảo vệ khóa luận tốt nghiệp - Trình bày kết quả nghiên cứu - Bảo vệ được đề tài nghiên cứu khóa luận.	0/6/0	- Giảng viên tham gia chấm đề tài nghiên cứu khóa luận của sinh viên. - Giải thích thêm một số vấn đề sinh viên chưa có lý giải đầy đủ trước hội đồng nghiên cứu.	- Sinh viên chuẩn bị slide báo cáo, nội dung báo cáo cô đọng, đầy đủ. - Bảo vệ được đề tài nghiên cứu.	A1.1 A2.1	CLO7, 8

8. Học liệu

- Sinh viên chủ động tìm hiểu và tiếp cận trước một số sách, tài liệu, giáo trình, tạp chí liên quan đến đề tài khóa luận tốt nghiệp.

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy (nếu có)

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	

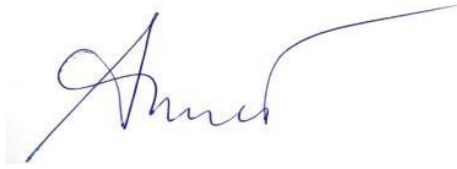
Đà Nẵng, ngày 29 tháng 6 năm 2022

P.Trưởng khoa



ThS. Trương Trung Phương

Trưởng bộ môn



TS. Trương Anh Thuận

Giảng viên biên soạn



ThS. Đặng Thị Thùy Dương

59. CHUYÊN LUẬN TỐT NGHIỆP 1 (KHOA HỌC LỊCH SỬ, ĐỊA LÍ)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHOA: LỊCH SỬĐộc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Sư phạm Lịch sử và Địa lí Mã số: 7140249

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin chung về học phần**

1.1	Tên học phần (tiếng Việt)	Chuyên luận tốt nghiệp 1 (Khoa học Lịch sử, Địa lí)
1.2	Tên học phần (tiếng Anh)	Graduation Project 1 (Science of History, Geographic)
1.3	Mã học phần:	31831090
1.4	Số tín chỉ:	3TC
1.5	Phân bố thời gian:	
-	Lý thuyết:	0TC (0 tiết)
-	Thực hành Loại 1:	3TC (45 tiết)
-	Thực hành Loại 2:	0TC (0 tiết)
-	Tự học:	90 tiết
1.6	Các giảng viên phụ trách học phần:	
-	Giảng viên phụ trách chính:	Khoa Lịch sử, Khoa Địa lí
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Khoa Lịch sử, Khoa Địa lí
-	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	Lịch sử Việt Nam và phương pháp dạy học Lịch sử thế giới Địa lí tự nhiên và phương pháp dạy học Địa lí kinh tế xã hội
1.7	Điều kiện tham gia học phần:	
-	Học phần tiên quyết:	Không
-	Học phần học trước:	Không
-	Học phần song hành:	Không
1.8	Loại học phần:	☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn bắt buộc ☐ Tự chọn tự do
1.9	Thuộc khối kiến thức	☐ Kiến thức Giáo dục đại cương ☐ Kiến thức Cơ sở ngành ☐ Kiến thức Chuyên ngành ☒ Kiến thức Nghiệp vụ Sư phạm ☐ Kiến thức Thực tập và

2. Mô tả tóm tắt học phần

Chuyên luận tốt nghiệp 1 là một trong hai học phần tự chọn bắt buộc thay thế cho học phần khóa luận, nhằm giúp sinh viên được tập dượt về hoạt động nghiên cứu khoa học. Trên cơ sở những kiến thức đã học sinh viên lựa chọn đề tài, lập đề cương và hoàn thành nội dung đề tài nghiên cứu liên quan đến khoa học lịch sử, địa lí theo sự định hướng của giảng viên hướng dẫn. Qua quá trình này giúp nâng cao năng lực nghiên cứu, khắc sâu thêm kiến thức chuyên ngành tạo tiền đề quan trọng cho việc phát triển và học lên bậc học cao hơn của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

3. Mục tiêu học phần

3.1. Mục tiêu chung

Bên cạnh giảng dạy, nghiên cứu khoa học là một trong những nhiệm vụ quan trọng của sinh viên ở bậc đại học. Thông qua hoạt động này sẽ giúp sinh viên thể hiện được cách tiếp cận, nhìn nhận đánh giá của mình đối với các vấn đề nghiên cứu về lịch sử, địa lí. Vì vậy, khi đăng kí tham gia thực hiện chuyên luận tốt nghiệp, sinh viên sẽ có được cơ hội tốt để thực hành và hiểu rõ hơn quy trình thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học, cách xác định một đề tài nghiên cứu khoa học, tiếp cận các nguồn tài liệu và định hướng phương pháp nghiên cứu để hoàn thiện đề tài nghiên cứu khoa học mà mình đã xác định. Qua đó, không chỉ giúp sinh viên phát triển được năng lực nghiên cứu khoa học, phát huy sức sáng tạo và năng lực tư duy của mình, giúp sinh viên có khả năng tự học và phát triển năng lực nghề nghiệp suốt đời.

3.2. Mục tiêu cụ thể (Course Objectives: COs)

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có:

- **CO1:** Kiến thức về các công việc, giai đoạn để hoàn thành một đề tài chuyên luận tốt nghiệp 1.
- **CO2:** Khả năng vận dụng được những kiến thức đã học để xác định và thực hiện được một đề tài nghiên cứu hoàn chỉnh.
- **CO3:** Khả năng vận dụng kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và công nghệ thông tin để hoàn thiện được đề tài chuyên luận.
- **CO4:** Thể hiện được ý thức phát triển năng lực nghiên cứu và học tập suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PIs	Mức độ của Pis
CLO1	Vận dụng những kiến thức lịch sử Việt Nam, lịch sử thế giới, địa lí tự nhiên, địa lí kinh tế xã hội xây dựng nội dung đề tài chuyên luận tốt nghiệp 1.	PI1.4	R
CLO2	Đề xuất hướng nghiên cứu, đề tài nghiên cứu về lịch sử Việt Nam, lịch sử thế giới, địa lí tự nhiên, địa lí	PI5.1	R

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PIs	Mức độ của Pis
	kinh tế xã hội và trao đổi với giáo viên hướng dẫn để xác định đề tài tiểu luận vừa có ý nghĩa về mặt lý luận và thực tiễn.	PI8.4	R
CLO3	Phân tích làm rõ về phần mở đầu, cấu trúc các chương mục và nguồn tài liệu nghiên cứu đề tài để hoàn thiện bản thuyết minh của đề tài.	PI5.2	R
CLO4	Sử dụng ngoại ngữ để khai thác thông tin từ các nguồn tài liệu tham khảo nước ngoài liên quan đến đề tài nghiên cứu	PI3.3	R
CLO5	Sưu tầm tài liệu, chọn phương pháp tiếp cận phù hợp xây dựng nội dung đề tài tiểu luận.	PI5.2	R
CLO6	Hoàn thiện bài tiểu luận về lịch sử Việt Nam, lịch sử thế giới, địa lí tự nhiên, địa lí kinh tế xã hội theo đúng quy định.	PI5.3	R

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

Điền một trong các mức I, R, M hoặc chưa trống (nếu không có sự liên hệ) và điền A vào ô tương ứng

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)					
	PLO1	PLO2	PLO5			PLO8
	PI1.4	PI3.3	PI5.1	PI5.2	PI5.3	PI8.4
CLO 1	R					
CLO 2			R			R
CLO 3				R		
CLO 4		R				
CLO 5				R		
CLO 6					R	

6. Đánh giá học phần

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ, các hoạt động đánh giá khác.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CĐR học phần có liên quan
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Đánh giá chuyên cần, thái độ học tập	P1.1. Quan sát.	R.01	W1.1 100%	W1. 20%	CLO 1-6
A2. Đánh giá cuối kỳ	A2.1. Bảo vệ bài chuyên luận	P2.1. Bài chuyên luận và và trình bày bằng powerpoint	R.07	W2.1. 100%	W2. 80%	CLO 6

6.2. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Xây dựng đề cương chi tiết;
- Nghiên cứu tài liệu;
- Thực hiện các nội dung, tiến độ theo yêu cầu của đồ án;
- Thuyết trình, bảo vệ chuyên luận.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần	Nội dung chi tiết của hoạt động thực hiện khoa luận tốt nghiệp	Số tiết (LT/THL1/THL)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
1	Hoạt 1: Hoàn thiện tên đề tài nghiên cứu chuyên luận tốt nghiệp 1. - Đề xuất tên đề tài nghiên cứu và thống nhất với giảng viên cố vấn.	0/6/0	Giảng viên định hướng cho sinh viên lựa chọn đề tài nghiên cứu có đóng góp về mặt khoa học và thực tiễn.	Sinh viên tìm hiểu, nghiên cứu tài liệu tham khảo đề xuất đề tài nghiên cứu..	A1.1	CLO1, 2
2	Hoạt động 2. Xây dựng đề cương chi tiết và kế	0/6/0	Giảng viên định hướng sinh viên các	Sinh viên tiến hành: - Sưu tầm các	A1.1	CLO3

	hoạch nghiên cứu đề tài. - Thống nhất với giáo viên hướng dẫn và xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học - Thống nhất xây dựng kế hoạch nghiên cứu với giảng viên hướng dẫn.		công việc cần làm, những địa điểm, nguồn tài liệu cần khai thác để hoàn thiện nội dung đề tài nghiên cứu.	nguồn tài liệu, hoàn thiện các nội dung của đề tài nghiên cứu. - Cụ thể hóa các mốc thời gian triển khai chuyên luận tốt nghiệp 1		
3-12	Hoạt động 3: Thực hiện chuyên luận tốt nghiệp 1 - Sur tầm tài liệu trong và ngoài nước liên quan đến đề tài chuyên luận tốt nghiệp 1. - Tổng hợp, xử lý tài liệu sưu tầm được và hoàn thiện nội dung từng chương mục.	0/60/0	Giảng viên định hướng, hỗ trợ cho nội dung từng chương mục trong đề tài nghiên cứu chuyên luận của sinh viên.	Sinh viên sưu tầm tài liệu, hoàn thiện nội dung từng chương mục và chỉnh sửa theo góp ý của giảng viên hướng dẫn.	A1.1	CLO4, 5
13-14	Hoạt động 4: - Hoàn thiện bản báo cáo đề tài chuyên luận tốt nghiệp 1. - Chuẩn bị slide và nội dung báo về chuyên luận tốt nghiệp 1.	0/12/0	Giảng viên rà soát đồng ý cho sinh viên hoàn thiện và in thành phẩm chuyên luận tốt nghiệp 1.	Sinh viên rà soát lại lỗi chính tả, lỗi văn bản và quy định thực hiện chuyên luận của nhà trường để hoàn thiện bản cuối và tiến hành in ấn.	A1.1 A2.1	CLO6
15	Hoạt động 5: Nộp chuyên luận tốt nghiệp	0/6/0	- Giảng viên thu chuyên luận sinh viên và chấm bài.	- Sinh viên nộp chuyên luận đúng thời hạn.	A1.1 A2.1	CLO7, 8

8. Học liệu

- Sinh viên chủ động tìm hiểu và tiếp cận trước một số sách, tài liệu, giáo trình, tạp chí liên quan đến đề tài chuyên luận tốt nghiệp.

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy (nếu có)

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 6 năm 2022

P.Trưởng khoa



ThS. Trương Trung Phương

Trưởng bộ môn



TS. Trương Anh Thuận

Giảng viên biên soạn



ThS. Đặng Thị Thùy Dương

60. CHUYÊN LUẬN TỐT NGHIỆP 2 (KHOA HỌC GIÁO DỤC)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHOA: LỊCH SỬĐộc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Sư phạm Lịch sử và Địa lí Mã số: 7140249

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin chung về học phần**

1.1	Tên học phần (tiếng Việt)	Chuyên luận tốt nghiệp 2 (Khoa học Giáo dục)
1.2	Tên học phần (tiếng Anh)	Graduation Project 2 (Science of Education)
1.3	Mã học phần:	31831077
1.4	Số tín chỉ:	3TC
1.5	Phân bố thời gian:	
-	Lý thuyết:	0TC (0 tiết)
-	Thực hành Loại 1:	3TC (45 tiết)
-	Thực hành Loại 2:	0TC (0 tiết)
-	Tự học:	90 tiết
1.6	Các giảng viên phụ trách học phần:	
-	Giảng viên phụ trách chính:	Khoa Lịch sử, Khoa Địa lí
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Khoa Lịch sử, Khoa Địa lí
-	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	Lịch sử Việt Nam và phương pháp dạy học Địa lí tự nhiên và phương pháp dạy học
1.7	Điều kiện tham gia học phần:	
-	Học phần tiên quyết:	Không
-	Học phần học trước:	Không
-	Học phần song hành:	Không
1.8	Loại học phần:	☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn bắt buộc ☐ Tự chọn tự do
1.9	Thuộc khối kiến thức	☐ Kiến thức Giáo dục đại cương ☐ Kiến thức Cơ sở ngành ☐ Kiến thức Chuyên ngành ☐ Kiến thức Nghiệp vụ Sư phạm ☒ Kiến thức Thực tập và

2. Mô tả tóm tắt học phần

Chuyên luận tốt nghiệp 1 là một trong hai học phần tự chọn bắt buộc thay thế cho học phần khóa luận, nhằm giúp sinh viên được tập dượt về hoạt động nghiên cứu khoa học. Trên cơ sở những kiến thức đã học sinh viên lựa chọn đề tài, lập đề cương và hoàn thành nội dung đề tài nghiên cứu liên quan đến khoa học giáo dục theo sự định hướng của giảng viên hướng dẫn. Qua quá trình này giúp nâng cao năng lực nghiên cứu, khắc sâu thêm kiến thức chuyên ngành tạo tiền đề quan trọng cho việc phát triển và học lên bậc học cao hơn của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

3. Mục tiêu học phần

3.2. Mục tiêu chung

Bên cạnh giảng dạy, nghiên cứu khoa học là một trong những nhiệm vụ quan trọng của sinh viên ở bậc đại học. Thông qua hoạt động này sẽ giúp sinh viên thể hiện được cách tiếp cận, nhìn nhận đánh giá của mình đối với các vấn đề nghiên cứu về giáo dục và lý luận dạy học lịch sử, địa lí. Vì vậy, khi đăng kí tham gia thực hiện chuyên luận tốt nghiệp, sinh viên sẽ có được cơ hội tốt để thực hành và hiểu rõ hơn quy trình thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học, cách xác định một đề tài nghiên cứu khoa học, tiếp cận các nguồn tài liệu và định hướng phương pháp nghiên cứu để hoàn thiện đề tài nghiên cứu khoa học mà mình đã xác định. Qua đó, không chỉ giúp sinh viên phát triển được năng lực nghiên cứu khoa học, phát huy sức sáng tạo và năng lực tư duy của mình, giúp sinh viên có khả năng tự học và phát triển năng lực nghề nghiệp suốt đời.

3.2. Mục tiêu cụ thể (Course Objectives: COs)

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có:

- **CO1:** Kiến thức về các công việc, giai đoạn để hoàn thành một đề tài chuyên luận tốt nghiệp.
- **CO2:** Khả năng vận dụng được những kiến thức đã học để xác định và thực hiện được một đề tài nghiên cứu hoàn chỉnh.
- **CO3:** Khả năng vận dụng kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và công nghệ thông tin để hoàn thiện được đề tài chuyên luận.
- CO4:** Thể hiện được ý thức phát triển năng lực nghiên cứu và học tập suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PIs	Mức độ của PIs
CLO1	Đề xuất hướng nghiên cứu, đề tài nghiên cứu về khoa học giáo dục lịch sử, địa lí và trao đổi với giáo viên hướng dẫn để xác định đề tài tiểu luận vừa có ý nghĩa về mặt lý luận và thực tiễn.	PI5.1 PI8.4	R R
CLO2	Tích hợp kiến thức lịch sử Việt Nam, lịch sử thế giới, địa lí tự nhiên, địa lí kinh tế xã hội xây dựng nội dung đề tài nghiên cứu về khoa học giáo dục.	PI1.4	R
CLO3	Phân tích làm rõ về phần mở đầu, cấu trúc các chương mục và nguồn tài liệu nghiên cứu đề tài để hoàn thiện bản thuyết minh của đề tài.	PI5.2	R
CLO4	Tiến hành sưu tầm tài liệu, chọn phương pháp tiếp cận phù hợp xây dựng nội dung đề tài tiểu luận.	PI5.2	R
CLO5	Sử dụng ngoại ngữ để khai thác thông tin từ các nguồn tài liệu tham khảo nước ngoài liên quan đến đề tài nghiên cứu	PI3.3	R
CLO6	Hoàn thiện bài tiểu luận về phương pháp dạy học lịch sử theo đúng quy định.	PI5.3	R

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

Điền một trong các mức I, R, M hoặc chừa trống (nếu không có sự liên hệ) và điền A vào ô tương ứng

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)					
	PLO1	PLO3	PLO5			PLO8
	PI1.2	PI3.3	PI5.1	PI5.2	PI5.3	R
CLO 1			R			
CLO 2	R					
CLO 3				R		
CLO 4				R		
CLO 5		R				

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)					
	PLO1	PLO3	PLO5			PLO8
	PI1.2	PI3.3	PI5.1	PI5.2	PI5.3	R
CLO 6					R	

6. Đánh giá học phần

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ, các hoạt động đánh giá khác.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CĐR học phần có liên quan
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Đánh giá chuyên cần, thái độ học tập	P1.1. Quan sát.	R.01	W1.1 100%	W1. 20%	CLO 1-6
A2. Đánh giá cuối kỳ	A2.1. Bảo vệ bài chuyên luận	P2.1. Bài chuyên luận và và trình bày bằng powerpoint	R.07	W2.1. 100%	W2. 80%	CLO6

6.2. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Xây dựng đề cương chi tiết;
- Nghiên cứu tài liệu;
- Thực hiện các nội dung, tiến độ theo yêu cầu của đồ án;
- Thuyết trình, bảo vệ chuyên luận.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần	Nội dung chi tiết của hoạt động thực hiện khoa luận tốt nghiệp	Số tiết (LT/THL1/THL2)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
1	Hoạt 1: Hoàn	0/6/0	Giảng viên định	Sinh viên tìm	A1.1	CLO1,

	thiện tên đề tài nghiên cứu chuyên luận tốt nghiệp 2. - Đề xuất tên đề tài nghiên cứu và thống nhất với giảng viên cố vấn.		hướng cho sinh viên lựa chọn đề tài nghiên cứu có đóng góp về mặt khoa học và thực tiễn.	hiểu, nghiên cứu tài liệu tham khảo đề xuất đề tài nghiên cứu..		2
2	Hoạt động 2. Xây dựng đề cương chi tiết và kế hoạch nghiên cứu đề tài. - Thống nhất với giáo viên hướng dẫn và xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học - Thống nhất xây dựng kế hoạch nghiên cứu với giảng viên hướng dẫn.	0/6/0	Giảng viên định hướng sinh viên các công việc cần làm, những địa điểm, nguồn tài liệu cần khai thác để hoàn thiện nội dung đề tài nghiên cứu.	Sinh viên tiến hành: - Sưu tầm các nguồn tài liệu, hoàn thiện các nội dung của đề tài nghiên cứu. - Cụ thể hóa các mốc thời gian triển khai chuyên luận tốt nghiệp 2	A1.1	CLO3
3-12	Hoạt động 3: Thực hiện chuyên luận tốt nghiệp 2 - Sưu tầm tài liệu trong và ngoài nước liên quan đến đề tài chuyên luận tốt nghiệp 2. - Tổng hợp, xử lý tài liệu sưu tầm được và hoàn thiện nội	0/60/0	Giảng viên định hướng, hỗ trợ cho nội dung từng chương mục trong đề tài nghiên cứu chuyên luận của sinh viên.	Sinh viên sưu tầm tài liệu, hoàn thiện nội dung từng chương mục và chỉnh sửa theo góp ý của giảng viên hướng dẫn.	A1.1	CLO4, 5

	dung từng chương mục.					
13-14	Hoạt động 4: - Hoàn thiện bản báo cáo đề tài chuyên luận tốt nghiệp 2. - Chuẩn bị slide và nội dung bảo vệ chuyên luận tốt nghiệp 2.	0/12/0	Giảng viên rà soát đồng ý cho sinh viên hoàn thiện và in thành phẩm chuyên luận tốt nghiệp 2.	Sinh viên rà soát lại lỗi chính tả, lỗi văn bản và quy định thực hiện chuyên luận của nhà trường để hoàn thiện bản cuối và tiến hành in ấn.	A1.1 A2.1	CLO6
15	Hoạt động 5: Nộp chuyên luận tốt nghiệp	0/6/0	- Giảng viên thu chuyên luận sinh viên và chấm bài.	- Sinh viên nộp chuyên luận đúng thời hạn.	A1.1 A2.1	CLO6

8. Học liệu

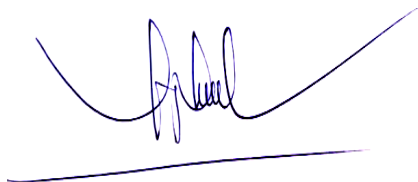
- Sinh viên chủ động tìm hiểu và tiếp cận trước một số sách, tài liệu, giáo trình, tạp chí liên quan đến đề tài chuyên luận tốt nghiệp.

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy (nếu có)

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 6 năm 2022

P.Trưởng khoa



ThS. Trương Trung Phương

Trưởng bộ môn



TS. Trương Anh Thuận

Giảng viên biên soạn



ThS. Đặng Thị Thùy Dương

**PHỤ LỤC 1.2. RUBRIC CÁC HÌNH THỨC ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN
CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH SƯ PHẠM LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ**

R.01. Rubric đánh giá chuyên cần - tham gia hoạt động

Tiêu chí cụ thể	Thang điểm					Tỷ trọng
	A (8,5-10)	B (7,0-8,4)	C (5,5-6,9)	D (4,0-5,4)	F (<4,0)	
<i>Chuyên cần</i>	Tham gia đầy đủ và đúng giờ tất cả các buổi học	Vắng 1 buổi không có lý do chính đáng hoặc 2 buổi có lý do chính đáng; đôi lúc đi trễ	Vắng 2 buổi không có lý do chính đáng hoặc 3-4 buổi có lý do chính đáng; thỉnh thoảng đi trễ	Vắng 3 buổi không có lý do chính đáng hoặc 5 buổi có lý do chính đáng; hay đi trễ	Vắng trên 3 buổi không có lý do chính đáng hoặc trên 5 buổi có lý do chính đáng; thường xuyên đi trễ	50% (5 điểm)
<i>Tham gia các hoạt động trên lớp</i>	Luôn luôn chủ động và tích cực tham gia các hoạt động trên lớp; luôn đưa ra các ý kiến sát đúng với nội dung bài học; chủ động triển khai các hoạt động thảo luận Nhóm	Tương đối chủ động và tích cực tham gia các hoạt động trên lớp; thường xuyên đưa ra các ý kiến tương đối sát đúng với nội dung bài học; tham gia tích cực các hoạt động thảo luận Nhóm	Có tham gia các hoạt động trên lớp nhưng đôi lúc chưa được chủ động và tích cực; thỉnh thoảng đưa ra các ý kiến tương đối sát đúng với nội dung bài học; tham gia các hoạt động thảo luận nhóm	Chưa chủ động và tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chỉ trả lời khi được gọi; đưa ra các ý kiến tương đối sát đúng với nội dung bài học khi được gọi ý; thỉnh thoảng tham gia các hoạt động thảo luận Nhóm	Không tham gia các hoạt động trên lớp, chỉ trả lời khi được gọi; không đưa ra được các ý kiến tương đối sát đúng với nội dung bài học khi được gọi ý; không tham gia các hoạt động thảo luận Nhóm	50% (5 điểm)

* Các lý do chính đáng bao gồm: thiên tai, tang gia (ông bà, bố mẹ, anh chị em ruột), cưới hỏi của bản thân, nằm viện có giấy xác nhận, tham gia các hoạt động đoàn thể được điều động theo danh sách và một số trường hợp đặc biệt khác được sự đồng ý của các cấp có thẩm quyền

R.02. RUBRIC ĐÁNH GIÁ TIỂU LUẬN CÁ NHÂN

TT	Tiêu chí chung	Tiêu chí cụ thể	Thang điểm					Tỷ trọng
			A (8,5-10)	B (7,0-8,4)	C (5,5-6,9)	D (4,0-5,4)	F (<4,0)	
1	Hình thức	Bố cục	Bố cục đầy đủ các phần và độ dài theo quy định của Khoa; các chương mục rõ ràng và lô-gic.	Bố cục tương đối đầy đủ và độ dài chênh lệch không quá 20% so với quy định của Khoa; các chương mục tương đối rõ ràng và lô-gic.	Bố cục tương đối đầy đủ và độ dài chênh lệch không quá 30% so với quy định của Khoa; các chương mục chưa rõ ràng và lô-gic.	Bố cục chưa đầy đủ và độ dài chênh lệch không quá 40% so với quy định của Khoa; các chương mục chưa rõ ràng và lô-gic.	Bố cục chưa đầy đủ và độ dài chênh lệch từ 50% trở lên so với quy định của Khoa; các chương mục không rõ ràng và lô-gic.	100% (10 điểm)
		Tài liệu tham khảo	Nguồn TLTK phong phú, chính thống; danh mục TLTK được sắp xếp hợp lý và đúng yêu cầu, các chú dẫn được trích dẫn đúng thể thức quy định.	Nguồn TLTK khá phong phú, chính thống; $\frac{1}{3}$ TLTK chưa được sắp xếp đúng quy định và một số trích dẫn chưa đúng thể thức quy định.	Nguồn TLTK chưa phong phú, một số tài liệu thiếu tính chính thống; khoảng $\frac{1}{2}$ TLTK bị sắp xếp lộn xộn và thiếu các chú dẫn theo thể thức quy định.	Nguồn TLTK nghèo nàn, đa số không chính thống; khoảng $\frac{2}{3}$ mục trích dẫn TLTK và các chú dẫn chưa đúng thể thức quy định.	Nguồn TLTK nghèo nàn, không chính thống; sắp xếp TLTK và các chú dẫn không đúng thể thức quy định.	

		<i>Lỗi chính tả, ngữ pháp, diễn đạt, hình thức trình bày</i>	Không có lỗi về ngữ pháp và chính tả; câu văn diễn đạt súc tích, mạch lạc; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định.	Còn một số ít lỗi ngữ pháp và chính tả; câu văn diễn đạt mạch lạc; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định.	Khá nhiều lỗi ngữ pháp và chính tả; câu văn diễn đạt thiếu mạch lạc; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ tương đối rõ ràng, đúng quy định.	Nhiều lỗi ngữ pháp và chính tả; câu văn diễn đạt lủng củng, tối nghĩa; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ chưa rõ ràng, chưa đúng quy định.	Còn rất nhiều lỗi ngữ pháp và chính tả; văn phong không phù hợp, câu văn lủng củng, tối nghĩa; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ không rõ ràng, không đúng quy định.	
2	Nội dung	<i>Luận điểm</i>	Có đưa ra quan điểm cá nhân có tính khoa học và sáng tạo; nêu và phân tích luận điểm rõ ràng và toàn diện.	Có đưa ra quan điểm cá nhân có tính khoa học; nêu và phân tích luận điểm rõ ràng.	Có đưa ra quan điểm cá nhân nhưng tính khoa học không cao; nêu luận điểm tương đối rõ ràng, phân tích chưa toàn diện.	Chưa đưa ra được quan điểm cá nhân; nêu luận điểm nhưng không phân tích.	Không đưa ra được quan điểm cá nhân và luận điểm mà chỉ tổng hợp từ các nguồn TLTK.	70% (7 điểm)
		<i>Dẫn chứng</i>	Nêu và phân tích dẫn chứng một cách logic, khoa học, bảo vệ được luận điểm.	Có nêu nhưng chưa phân tích chi tiết các dẫn chứng dù có thể phân nào đó bảo vệ được luận điểm.	Chỉ nêu và không phân tích dẫn chứng, không có sự kết nối tương quan giữa luận điểm và dẫn chứng.	Có rất ít dẫn chứng, hoàn toàn không có sự kết nối tương quan giữa luận điểm và dẫn chứng.	Không có dẫn chứng minh họa.	

R.03. RUBRIC ĐÁNH GIÁ TIỂU LUẬN NHÓM

TT	Tiêu chí chung	Tiêu chí cụ thể	Thang điểm					Tỷ trọng
			A (8,5-10)	B (7,0-8,4)	C (5,5-6,9)	D (4,0-5,4)	F (<4,0)	
1	Hình thức	<i>Bố cục</i>	Bố cục đầy đủ các phần và độ dài theo quy định của Khoa; các chương mục rõ ràng và lô-gic.	Bố cục tương đối đầy đủ và độ dài chênh lệch không quá 20% so với quy định của Khoa; các chương mục tương đối rõ ràng và lô-gic.	Bố cục tương đối đầy đủ và độ dài chênh lệch không quá 30% so với quy định của Khoa; các chương mục chưa rõ ràng và lô-gic.	Bố cục chưa đầy đủ và độ dài chênh lệch không quá 40% so với quy định của Khoa; các chương mục chưa rõ ràng và lô-gic.	Bố cục chưa đầy đủ và độ dài chênh lệch từ 50% trở lên so với quy định của Khoa; các chương mục không rõ ràng và lô-gic.	40% (4 điểm)
		<i>Tài liệu tham khảo</i>	Nguồn TLTK phong phú, chính thống; danh mục TLTK được sắp xếp hợp lý và đúng yêu cầu, các chú dẫn được trích dẫn đúng thể thức quy định.	Nguồn TLTK khá phong phú, chính thống; $\frac{1}{3}$ TLTK chưa được sắp xếp đúng quy định và một số trích dẫn chưa đúng thể thức quy định.	Nguồn TLTK chưa phong phú, một số tài liệu thiếu tính chính thống; khoảng $\frac{1}{2}$ TLTK bị sắp xếp lộn xộn và thiếu các chú dẫn theo thể thức quy định.	Nguồn TLTK nghèo nàn, đa số không chính thống; khoảng $\frac{2}{3}$ mục trích dẫn TLTK và các chú dẫn chưa đúng thể thức quy định.	Nguồn TLTK nghèo nàn, không chính thống; sắp xếp TLTK và các chú dẫn không đúng thể thức quy định.	

		<i>Lỗi chính tả, ngữ pháp, diễn đạt, hình thức trình bày</i>	Không có lỗi về ngữ pháp và chính tả; câu văn diễn đạt súc tích, mạch lạc; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định.	Còn một số ít lỗi ngữ pháp và chính tả; câu văn diễn đạt mạch lạc; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định.	Khá nhiều lỗi ngữ pháp và chính tả; câu văn diễn đạt thiếu mạch lạc; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ tương đối rõ ràng, đúng quy định.	Nhiều lỗi ngữ pháp và chính tả; câu văn diễn đạt lủng củng, tối nghĩa; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ chưa rõ ràng, chưa đúng quy định.	Còn rất nhiều lỗi ngữ pháp và chính tả; văn phong không phù hợp, câu văn lủng củng, tối nghĩa; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ không rõ ràng, không đúng quy định.	
2	Nội dung	<i>Luận điểm</i>	Có đưa ra quan điểm cá nhân có tính khoa học và sáng tạo; nêu và phân tích luận điểm rõ ràng và toàn diện.	Có đưa ra quan điểm cá nhân có tính khoa học; nêu và phân tích luận điểm rõ ràng.	Có đưa ra quan điểm cá nhân nhưng tính khoa học không cao; nêu luận điểm tương đối rõ ràng, phân tích chưa toàn diện.	Chưa đưa ra được quan điểm cá nhân; nêu luận điểm nhưng không phân tích.	Không đưa ra được quan điểm cá nhân và luận điểm mà chỉ tổng hợp từ các nguồn TLTK.	50% (5 điểm)
			<i>Dẫn chứng</i>	Nêu và phân tích dẫn chứng một cách logic, khoa học, bảo vệ được luận điểm.	Có nêu nhưng chưa phân tích chi tiết các dẫn chứng dù có thể phần nào đó bảo vệ được luận điểm.	Chỉ nêu và không phân tích dẫn chứng, không có sự kết nối tương quan giữa luận điểm và dẫn chứng.	Có rất ít dẫn chứng, hoàn toàn không có sự kết nối tương quan giữa luận điểm và dẫn chứng.	

3	Kỹ năng nhóm	Hiệu quả làm việc nhóm	Các thành viên hoàn tốt nhiệm vụ của mình. Tất cả thành viên hiểu rõ đề tài trình bày của nhóm; nhóm trả lời tốt các câu hỏi của đề tài.	Các thành viên hoàn thành tương đối công việc, có sự khác biệt trong chất lượng công việc của các thành viên; 80% thành viên hiểu rõ đề tài trình bày của nhóm; Nhóm trả lời tốt 80% câu hỏi của đề tài.	Các thành viên hoàn thành tương đối công việc, có sự khác biệt rõ ràng trong chất lượng công việc của các thành viên; 60% thành viên hiểu rõ đề tài trình bày của nhóm; Nhóm trả lời tốt 60% câu hỏi của đề tài.	Một số thành viên không tham gia làm việc nhóm; dưới 50% thành viên hiểu rõ đề tài trình bày của nhóm; Nhóm trả lời được dưới 50% câu hỏi của đề tài.	Các thành viên không hoàn thành công việc đúng khối lượng và thời gian quy định; dưới 50% các thành viên hiểu rõ đề tài trình bày của nhóm; Nhóm không trả lời được các câu hỏi của đề tài.	10% (0,5 điểm)
		Khả năng lãnh đạo	Phân chia công việc hợp lý; có kỹ năng giải quyết vấn đề hiệu quả	Phân chia công việc tương đối hợp lý; một số vấn đề của nhóm chưa được giải quyết hiệu quả	Phân chia công việc tương đối hợp lý	Phân chia công việc chưa hợp lý	Phân chia công việc không hợp lý	5% (0,5 điểm)

* **Lưu ý:** Bài tiểu luận có tỷ lệ sao chép nguyên văn, không trích dẫn nguồn từ 30% trở lên sẽ bị đánh giá là đạo văn và nhận điểm

R.04. RUBRIC ĐÁNH GIÁ BÀI THUYẾT TRÌNH NHÓM

TT	Tiêu chí Chung	Tiêu chí cụ thể	Thang điểm					Tỷ trọng
			A (8,5-10)	B (7,0-8,4)	C (5,5-6,9)	D (4,0-5,4)	F (<4,0)	
1	Nội dung	Nội dung	Trình bày đầy đủ các nội dung của đề tài; các nội dung được nêu ra một cách logic; tất cả các nội dung đều có phân tích rõ ràng, có luận điểm hoặc ví dụ minh họa.	Trình bày đầy đủ các nội dung của đề tài; các nội dung được nêu ra một cách logic; một số nội dung chưa có phân tích rõ ràng, chưa có luận điểm hoặc ví dụ minh họa.	Trình bày đầy đủ các nội dung của đề tài; các nội dung được nêu ra một cách logic; khoảng 1/2 nội dung chưa có phân tích rõ ràng, chưa có luận điểm hoặc ví dụ minh họa	Trình bày không đầy đủ các nội dung của đề tài; các nội dung chưa được nêu ra một cách logic; khoảng 2/3 nội dung chưa có phân tích rõ ràng, chưa có luận điểm hoặc ví dụ minh họa.	Trình bày nhiều nội dung không đúng nội dung của đề tài.	40% (4 điểm)
2	Thuyết trình	Bố cục	Bố cục đầy đủ các mục so với quy định.	Bố cục thiếu tối đa 2 mục so với quy định.	Bố cục còn thiếu tối đa 3 mục so với quy định.	Bố cục còn thiếu tối đa 4 mục so với quy định	Bố cục lủng củng, các mục sắp xếp lộn xộn, thiếu nội dung so với quy định	40% (4 điểm)
		Phong cách	Phong cách trình bày tự tin; Diễn đạt gãy gọn, súc tích, giọng nói rõ ràng, dễ nghe; Không phụ thuộc vào slides; Sử dụng	Phong cách trình bày tự tin; Diễn đạt tương đối gãy gọn, súc tích, giọng nói khá rõ ràng, dễ nghe; Đôi chỗ còn phụ thuộc vào slides; Sử dụng	Phong cách trình bày chưa thật tự tin; Diễn đạt một số chỗ chưa gãy gọn, súc tích, giọng nói rõ ràng, dễ nghe; Còn phụ thuộc	Phong cách trình bày chưa tự tin; Diễn đạt còn lủng củng, giọng nói không rõ ràng, dễ nghe; Còn phụ thuộc nhiều vào slides; Chưa	Không tự tin khi trình bày; diễn đạt lủng củng, khó hiểu; Giọng nói nhỏ, khó nghe; Phụ thuộc hoàn toàn vào slides; Không	

		<i>thuyết trình</i>	dụng tốt ngôn ngữ hình thể và tương tác tốt với người nghe	tương đối tốt ngôn ngữ hình thể và có tương tác với người nghe	vào slides; Chưa sử dụng tốt ngôn ngữ hình thể và chưa tương tác với người nghe	sử dụng tốt ngôn ngữ hình thể và chưa tương tác với người nghe	tương tác với người nghe	
		<i>Hình thức slides</i>	Font chữ to, rõ, màu chữ hợp lý, có thể đọc được từ cuối lớp; Hình ảnh minh họa chất lượng tốt, phù hợp với nội dung; Các hiệu ứng được sử dụng hợp lý; Phối màu đẹp, rõ ràng, nổi bật nội dung.	Font chữ to, rõ, màu chữ hợp lý, có thể đọc được từ cuối lớp; Hình ảnh minh họa phù hợp với nội dung; Các hiệu ứng hợp lý; Phối màu rõ ràng	Font chữ to, rõ, màu chữ hợp lý, có thể đọc được từ cuối lớp; Có hình ảnh minh họa nhưng một số chỗ chưa phù hợp với nội dung; Không sử dụng hiệu ứng; Phối màu chưa nổi bật nội dung	Font chữ, màu chữ chưa hợp lý, có khó khăn khi đọc từ cuối lớp; Hình ảnh minh họa sơ sài, chưa phù hợp với nội dung; Không sử dụng hiệu ứng; Phối màu chưa nổi bật nội dung	Font chữ, màu chữ chưa hợp lý, có khó khăn khi đọc từ giữa lớp; Không có hình ảnh minh họa; Không sử dụng hiệu ứng; Phối màu không hợp lý	
		<i>Thời gian trình bày</i>	Đúng thời gian quy định	Quá thời gian quy định < 2 phút	Quá thời gian quy định từ 2 đến < 4 phút	Quá thời gian quy định từ 4 đến < 5 phút	Quá thời gian quy định > 5 phút	
3	Kỹ năng Nhóm	<i>Hiệu quả làm việc nhóm</i>	Các thành viên hoàn tốt nhiệm vụ của mình. Tất cả thành viên hiểu rõ đề tài	Các thành viên hoàn thành tương đối công việc, có sự khác biệt trong chất lượng công	Các thành viên hoàn thành tương đối công việc, có sự khác biệt rõ	Một số thành viên không tham gia làm việc nhóm; dưới 50% thành viên hiểu rõ đề	Các thành viên không hoàn thành công việc đúng khối lượng và thời gian quy định;	15% (1,5 điểm)

			trình bày của nhóm; nhóm trả lời tốt các câu hỏi của đề tài.	việc của các thành viên; 80% thành viên hiểu rõ đề tài trình bày của nhóm; Nhóm trả lời tốt 80% câu hỏi của đề tài.	ràng trong chất lượng công việc của các thành viên; 60% thành viên hiểu rõ đề tài trình bày của nhóm; Nhóm trả lời tốt 60% câu hỏi của đề tài.	tài trình bày của nhóm; Nhóm trả lời được dưới 50% câu hỏi của đề tài.	dưới 50% các thành viên hiểu rõ đề tài trình bày của nhóm; Nhóm không trả lời được các câu hỏi của đề tài.	
		<i>Khả năng lãnh đạo</i>	Phân chia công việc hợp lý; có kỹ năng giải quyết vấn đề hiệu quả	Phân chia công việc tương đối hợp lý; một số vấn đề của nhóm chưa được giải quyết hiệu quả	Phân chia công việc tương đối hợp lý	Phân chia công việc chưa hợp lý	Phân chia công việc không hợp lý	5% (0,5 điểm)

R.05. RUBRIC ĐÁNH GIÁ BÀI THI VĂN ĐÁP

TT	Tiêu chí Chung	Tiêu chí cụ thể	Thang điểm					Tỷ trọng
			A (8,5-10)	B (7,0-8,4)	C (5,5-6,9)	D (4,0-5,4)	F (<4,0)	
1	Kiến thức		Thể hiện hiểu biết sâu sắc về chủ đề.	Thể hiện hiểu biết tương đối về chủ đề.	Thể hiện hiểu biết nhưng chưa sâu sắc về chủ đề.	Thể hiện hiểu biết rời rạc thiếu tính hệ thống về chủ đề.	Không có hiểu biết về chủ đề hoặc lạc đề.	40% (4 điểm)
2	Kỹ năng lập luận	<i>Luận điểm</i>	Nêu và phân tích luận điểm rõ ràng, chi tiết đối với tất cả các vấn đề, có nêu và phân tích phản biện luận điểm.	Chỉ nêu luận điểm đối với một số vấn đề, có phân tích tổng quát các luận điểm nhưng không phân tích phản biện luận điểm	Khoảng 1/2 tổng số vấn đề còn thiếu luận điểm phân tích, chưa phân tích tổng quát đối với 1/2 tổng số luận điểm và phản biện luận điểm	Khoảng 2/3 tổng số vấn đề còn thiếu luận điểm phân tích, không phân tích mà chỉ nêu luận điểm	Không nêu được luận điểm, không có dẫn chứng chi tiết.	40% (4 điểm)
		<i>Dẫn chứng</i>	Nêu và phân tích dẫn chứng một cách logic, khoa học, bảo vệ được luận điểm.	Có nêu nhưng chưa phân tích chi tiết các dẫn chứng dù có thể phần nào đó bảo vệ được luận điểm.	Chỉ nêu và không phân tích dẫn chứng, không có sự kết nối tương quan giữa luận điểm và dẫn chứng.	Có rất ít dẫn chứng, hoàn toàn không có sự kết nối tương quan giữa luận điểm và dẫn chứng.	Không có dẫn chứng minh họa.	

		<i>Cấu trúc câu trả lời</i>	Các luận điểm được sắp xếp theo trình tự phát triển logic.	Các luận điểm được sắp xếp tương đối logic. Một vài điểm chưa hợp lý.	Khoảng 1/2 luận điểm thiếu liên kết mạch lạc, thiếu logic.	Khoảng 2/3 luận điểm thiếu liên kết mạch lạc, thiếu logic.	Các luận điểm không được sắp xếp theo trật tự logic, khó hiểu.	
3	Phản xạ		Ngay lập tức đưa ra câu trả lời rõ ràng đúng trọng tâm, không cần gọi mở từ phía giáo viên.	Cần thời gian từ 5-10 giây để trả lời câu hỏi ở mức độ tổng quan, đi vào chi tiết với câu hỏi gọi mở từ phía giáo viên.	Lúng túng trước câu hỏi. Trả lời được ở mức độ tổng quan sau khi giáo viên đặt câu hỏi gọi mở.	Không hiểu câu hỏi và yêu cầu giáo viên nhắc lại câu hỏi hoặc gọi mở. Trả lời chưa rõ ràng sau khi giáo viên đặt câu hỏi gọi mở.	Không trả lời được câu hỏi kể cả khi giáo viên đã đặt nhiều câu hỏi gọi mở.	20% (2 điểm)

R.06. KIỂM TRA TỰ LUẬN

TT	Tiêu chí Chung	Tiêu chí cụ thể	Thang điểm					Tỷ trọng
			A (8,5-10)	B (7,0-8,4)	C (5,5-6,9)	D (4,0-5,4)	F (<4,0)	
1	Nội dung và hình thức trình bày	<i>Câu hỏi bậc 1: trình bày tái hiện kiến thức</i>	- Trình bày đúng và đầy đủ các nội dung nêu trong đáp án. - Không có hoặc có 1-2 lỗi chính tả và diễn đạt.	- Trình bày đúng và đạt 70-80% nội dung nêu trong đáp án. - Có 3-4 lỗi nhầm lẫn thông tin, lỗi chính tả và diễn đạt	- Trình bày đúng và đạt 50-60% nội dung nêu trong đáp án. - Có 5-6 lỗi nhầm lẫn thông tin, lỗi chính tả và diễn đạt.	- Trình bày đúng và đạt 40-50% nội dung nêu trong đáp án. - Có trên 6 lỗi nhầm lẫn thông tin, lỗi chính tả và diễn đạt.	- Trình bày đúng và đạt dưới 40% nội dung trong đáp án. - Có trên 6 lỗi nhầm lẫn thông tin, lỗi chính tả và diễn đạt.	Giảng viên điều chỉnh theo từng đề thi cụ thể
		<i>Câu hỏi bậc 2,3: Phân tích, chứng minh, đánh giá vấn đề, vận dụng</i>	- Thể hiện hiểu biết sâu sắc và quan điểm cá nhân về vấn đề nêu ra. - Có dẫn chứng và lập luận thuyết phục để bảo vệ quan điểm của mình. - Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã	- Thể hiện hiểu biết tương đối toàn diện về vấn đề nêu ra. - Có đưa ra quan điểm cá nhân. - Dẫn chứng và lập luận chưa thực sự chặt chẽ. - Vận dụng được kiến thức kỹ năng	- Thể hiện được hiểu biết về vấn đề. - Chưa đưa ra được ý kiến cá nhân. - Chưa nêu được dẫn chứng và xây dựng lập luận. - Chưa vận dụng được kiến thức, kỹ	- Trình bày vấn đề một cách đơn giản. - Chưa đưa ra được ý kiến cá nhân. - Chưa nêu được dẫn chứng và xây dựng lập luận. - Chưa vận dụng được kiến thức, kỹ	Trình bày một cách sơ sài về vấn đề được yêu cầu.	

			học một cách thuyết phục. - Không có hoặc có 1-2 lỗi chính tả và diễn đạt	đã học nhưng chưa thuyết phục. - Có 3-4 lỗi chính tả và diễn đạt.	năng đã học. - Có 5-6 lỗi chính tả và diễn đạt.	năng đã học. - Có trên 6 lỗi chính tả và diễn đạt.	
--	--	--	---	---	---	--	--

R.07. RUBRIC ĐÁNH GIÁ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

TT	Tiêu chí chung	Tiêu chí cụ thể	Thang điểm					Tỷ trọng (HD chấm)
			A (8,5-10)	B (7,0-8,4)	C (5,5-6,9)	D (4,0-5,4)	F (<4,0)	
PHẦN 1. QUYỀN KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP								
1	Đề tài và phương pháp nghiên cứu	Đề tài	Đề tài liên quan và có ý nghĩa đối với ngành học hoặc có giá trị thực tiễn cao.	Đề tài tương đối liên quan và tương đối có ý nghĩa đối với ngành học hoặc có giá trị thực tiễn.	Đề tài có mức độ liên quan và có ý nghĩa đối với ngành học hoặc có giá trị thực tiễn ở mức độ trung bình.	Đề tài ít liên quan và không có ý nghĩa đáng kể đối với ngành học và không có giá trị thực tiễn đáng kể.	Không liên quan và không có ý nghĩa đối với ngành học, không có giá trị thực tiễn.	10%
		Phương pháp nghiên cứu	Phương pháp nghiên cứu phù hợp và đa dạng; các dữ liệu và số liệu được sử dụng, lý giải hợp lý và sáng tạo.	Phương pháp nghiên cứu phù hợp và đa dạng; các dữ liệu và số liệu được sử dụng, lý giải hợp lý.	Phương pháp nghiên cứu tương đối phù hợp và đa dạng; các dữ liệu và số liệu được sử dụng, lý giải tương đối hợp lý.	Phương pháp nghiên cứu tương đối phù hợp nhưng chưa đa dạng; một phần các dữ liệu và số liệu chưa được sử dụng, lý giải hợp lý.	Phương pháp nghiên cứu không phù hợp với đề tài; các dữ liệu và số liệu chưa được sử dụng và lý giải hợp lý.	10%
2	Hình thức	Bố cục	Bố cục đầy đủ các phần và độ dài theo quy định của Khoa; các chương mục rõ ràng và lô- gic.	Bố cục tương đối đầy đủ và độ dài chênh lệch không quá 20% so với quy định của Khoa; các chương mục tương đối rõ ràng và lô-gic.	Bố cục tương đối đầy đủ và độ dài chênh lệch không quá 30% so với quy định của Khoa; các chương mục chưa rõ ràng và lô-gic	Bố cục chưa đầy đủ và độ dài chênh lệch không quá 40% so với quy định của Khoa; các chương mục chưa rõ ràng và lô-gic.	Bố cục chưa đầy đủ và độ dài chênh lệch từ 50% trở lên so với quy định của Khoa; các chương mục không rõ ràng và lô-gic.	5%

		<i>Tài liệu tham khảo</i>	Nguồn TLTK phong phú, chính thống; danh mục TLTK được sắp xếp hợp lý và đúng yêu cầu, các chú dẫn được trích dẫn đúng thể thức quy định.	Nguồn TLTK khá phong phú, chính thống; 1/3 TLTK chưa được sắp xếp đúng quy định và một số trích dẫn chưa đúng thể thức quy định.	Nguồn TLTK chưa phong phú, một số tài liệu thiếu tính chính thống; khoảng 1/2 TLTK bị sắp xếp lộn xộn và thiếu các chú dẫn theo thể thức quy định.	Nguồn TLTK nghèo nàn, đa số không chính thống; khoảng 2/3 mục trích dẫn TLTK và các chú dẫn chưa đúng thể thức quy định.	Nguồn TLTK nghèo nàn, không chính thống; sắp xếp TLTK và các chú dẫn không đúng thể thức quy định.	10%
		<i>Lỗi chính tả, ngữ pháp, diễn đạt, hình thức trình bày</i>	Không có lỗi về ngữ pháp và chính tả; câu văn diễn đạt súc tích, mạch lạc; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định.	Còn một số ít lỗi ngữ pháp và chính tả; câu văn diễn đạt mạch lạc; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định.	Khá nhiều lỗi ngữ pháp và chính tả; câu văn diễn đạt thiếu mạch lạc; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ tương đối rõ ràng, đúng quy định.	Nhiều lỗi ngữ pháp và chính tả; câu văn diễn đạt lủng củng, tối nghĩa; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ chưa rõ ràng, chưa đúng quy định.	Còn rất nhiều lỗi ngữ pháp và chính tả; văn phong không phù hợp, câu văn lủng củng, tối nghĩa; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ không rõ ràng, không đúng quy định.	5%
3	Nội dung	<i>Luận điểm</i>	Có đưa ra quan điểm cá nhân có tính khoa học và sáng tạo; nêu và phân tích luận điểm rõ ràng và toàn diện.	Có đưa ra quan điểm cá nhân có tính khoa học; nêu và phân tích luận điểm rõ ràng.	Có đưa ra quan điểm cá nhân nhưng tính khoa học không cao; nêu luận điểm tương đối rõ ràng, phân tích chưa toàn diện.	Chưa đưa ra được quan điểm cá nhân; nêu luận điểm nhưng không phân tích.	Không đưa ra được quan điểm cá nhân và luận điểm mà chỉ tổng hợp từ các nguồn TLTK.	10%
		<i>Dẫn chứng</i>	Nêu và phân tích dẫn chứng một cách logic, khoa học, bảo vệ được luận điểm.	Có nêu nhưng chưa phân tích chi tiết các dẫn chứng dù có thể phần nào đó bảo vệ được luận điểm.	Chỉ nêu và không phân tích dẫn chứng, không có sự kết nối tương quan giữa luận điểm và dẫn chứng.	Có rất ít dẫn chứng, hoàn toàn không có sự kết nối tương quan giữa luận điểm và dẫn chứng.	Không có dẫn chứng minh họa.	10%
PHẦN 2. BẢO VỆ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP								

1	Thuyết trình	<i>Bố cục</i>	Bố cục đầy đủ các mục so với quy định	Bố cục thiếu tối đa 2 mục so với quy định.	Bố cục còn thiếu tối đa 3 mục so với quy định.	Bố cục còn thiếu tối đa 4 mục so với quy định	Bố cục lủng củng, các mục sắp xếp lộn xộn, thiếu nội dung so với quy định	5%
		<i>Phong cách thuyết trình</i>	Phong cách trình bày tự tin; Diễn đạt gãy gọn, súc tích, giọng nói rõ ràng, dễ nghe; Không phụ thuộc vào slides; Sử dụng tốt ngôn ngữ hình thể và tương tác tốt với người nghe	Phong cách trình bày tự tin; Diễn đạt tương đối gãy gọn, súc tích, giọng nói khá rõ ràng, dễ nghe; Đôi chỗ còn phụ thuộc vào slides; Sử dụng tương đối tốt ngôn ngữ hình thể và có tương tác với người Nghe	Phong cách trình bày chưa thật tự tin; Diễn đạt một số chỗ chưa gãy gọn, súc tích, giọng nói rõ ràng, dễ nghe; Còn phụ thuộc vào slides; Chưa sử dụng tốt ngôn ngữ hình thể và chưa tương tác với người nghe	Phong cách trình bày chưa tự tin; Diễn đạt còn lủng củng, giọng nói không rõ ràng, dễ nghe; Còn phụ thuộc nhiều vào slides; Chưa sử dụng tốt ngôn ngữ hình thể và chưa tương tác với người nghe	Không tự tin khi trình bày; diễn đạt lủng củng, khó hiểu; Giọng nói nhỏ, khó nghe; Phụ thuộc hoàn toàn vào slides; Không tương tác với người nghe	5%
		<i>Hình thức slides</i>	Font chữ to, rõ, màu chữ hợp lý, có thể đọc được từ cuối lớp; Hình ảnh minh họa chất lượng tốt, phù hợp với nội dung; Các hiệu ứng được sử dụng hợp lý; Phối màu đẹp, rõ ràng, nổi bật nội dung	Font chữ to, rõ, màu chữ hợp lý, có thể đọc được từ cuối lớp; Hình ảnh minh họa phù hợp với nội dung; Các hiệu ứng được sử dụng tương đối hợp lý; Phối màu rõ ràng	Font chữ to, rõ, màu chữ hợp lý, có thể đọc được từ cuối lớp; Có hình ảnh minh họa nhưng một số chỗ chưa phù hợp với nội dung; Không sử dụng hiệu ứng; Phối màu chưa nổi bật nội dung	Font chữ, màu chữ chưa hợp lý, có khó khăn khi đọc từ cuối lớp; Hình ảnh minh họa sơ sài, chưa phù hợp với nội dung; Không sử dụng hiệu ứng; Phối màu chưa nổi bật nội dung	Font chữ, màu chữ chưa hợp lý, có khó khăn khi đọc từ giữa lớp; Không có hình ảnh minh họa; Không sử dụng hiệu ứng; Phối màu không hợp lý	2.5%
		<i>Thời gian trình bày</i>	Đúng thời gian quy định	Quá thời gian quy định < 2 phút	Quá thời gian quy định từ 2 đến < 4 phút	Quá thời gian quy định từ 4 đến < 5 phút	Quá thời gian quy định > 5 phút	2.5%

2	Trả lời câu hỏi	<i>Thể hiện hiểu biết sâu sắc về chủ đề, bảo vệ được quan điểm cá nhân.</i>	Thể hiện hiểu biết tương đối về chủ đề, bảo vệ quan điểm cá nhân nhưng chưa thuyết phục.	Thể hiện hiểu biết còn hạn chế về chủ đề, bảo vệ quan điểm cá nhân nhưng chưa thuyết phục.	Thể hiện hiểu biết hạn chế về chủ đề, không bảo vệ được quan điểm cá nhân.	Không có hiểu biết về chủ đề hoặc lạc đề, không có quan điểm cá nhân.	Thể hiện hiểu biết sâu sắc về chủ đề, bảo vệ được quan điểm cá nhân.	5%
		<i>Các luận điểm được sắp xếp theo trình tự phát triển logic; nêu và phân tích dẫn chứng phù hợp, thuyết phục.</i>	Các luận điểm được sắp xếp tương đối logic, một vài điểm chưa hợp lý; nêu dẫn chứng phù hợp nhưng phân tích chưa thuyết phục.	Khoảng 1/2 luận điểm thiếu liên kết mạch lạc, thiếu logic; nêu dẫn chứng tương đối phù hợp nhưng phân tích chưa thuyết phục.	Khoảng 2/3 luận điểm thiếu liên kết mạch lạc, thiếu logic; chưa nêu được dẫn chứng phù hợp.	Các luận điểm không được sắp xếp theo trật tự lô-gic, khó hiểu; không nêu được dẫn chứng.	Các luận điểm được sắp xếp theo trình tự phát triển logic; nêu và phân tích dẫn chứng phù hợp, thuyết phục.	5%
		<i>Ngay lập tức đưa ra câu trả lời rõ ràng đúng trọng tâm, không cần gọi mở từ phía giáo viên.</i>	Cần thời gian từ 5-10 giây để trả lời câu hỏi ở mức độ tổng quan, đi vào chi tiết với câu hỏi gọi mở từ phía giáo viên.	Lúng túng trước câu hỏi. Trả lời được ở mức độ tổng quan sau khi giáo viên đặt câu hỏi gọi mở.	Không hiểu câu hỏi và yêu cầu giáo viên nhắc lại câu hỏi hoặc gọi mở. Trả lời chưa rõ ràng sau khi giáo viên đặt câu hỏi gọi mở.	Không trả lời được câu hỏi kể cả khi giáo viên đã đặt nhiều câu hỏi gọi mở.	Ngay lập tức đưa ra câu trả lời rõ ràng đúng trọng tâm, không cần gọi mở từ phía giáo viên.	5%

R.08. RUBRIC CÁC HÌNH THỨC ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

TT	Tiêu chí chung	Tiêu chí cụ thể	Thang điểm					Tỷ trọng
			A (8,5-10)	B (7,0-8,4)	C (5,5-6,9)	D (4,0-5,4)	F (<4,0)	
1	Thái độ	<i>Thực hiện các thủ tục & báo cáo định kỳ</i>	Thực hiện đầy đủ và đúng hạn tất cả các thủ tục, báo cáo theo yêu cầu của đơn vị thực tập, GVHD & Khoa.	Thực hiện đầy đủ các thủ tục, báo cáo theo yêu cầu của đơn vị thực tập, GVHD & Khoa, đôi lúc trễ hạn có lý do chính đáng.	Thực hiện tương đối đầy đủ các thủ tục, báo cáo theo yêu cầu của đơn vị thực tập, GVHD & Khoa, thỉnh thoảng trễ hạn có lý do chính đáng.	Thực hiện tương đối đầy đủ các thủ tục, báo cáo theo yêu cầu của đơn vị thực tập, GVHD & Khoa, hay trễ hạn có lý do chính đáng.	Thực hiện không đầy đủ và không đúng hạn các thủ tục, báo cáo theo yêu cầu của đơn vị thực tập, GVHD & Khoa	20% (2,0 điểm)
2	Đánh giá của đơn vị thực tập	<i>Xếp loại của đơn vị thực tập</i>	Được đơn vị thực tập xếp loại Giỏi, nhận xét tích cực, không bị phê bình, góp ý.	Được đơn vị thực tập xếp loại Giỏi, còn bị phê bình, góp ý 1 điểm.	Được đơn vị thực tập xếp loại Khá, còn bị phê bình, góp ý 2-3 điểm.	Được đơn vị thực tập xếp loại Trung bình, còn bị phê bình, góp ý 3-4 điểm.	Được đơn vị thực tập xếp loại Trung bình, còn bị phê bình, góp ý trên 4 điểm.	30% (3,0 điểm)
3	Báo cáo thực tập tốt nghiệp	<i>Bố cục</i>	Bố cục đầy đủ các phần và độ dài theo quy định của Khoa; các chương mục rõ ràng và lô-gic.	Bố cục tương đối đầy đủ và độ dài chênh lệch không quá 20% so với quy định của Khoa; các chương mục tương đối rõ ràng và lô-gic.	Bố cục tương đối đầy đủ và độ dài chênh lệch không quá 30% so với quy định của Khoa; các chương mục chưa rõ ràng và lô-gic.	Bố cục chưa đầy đủ và độ dài chênh lệch không quá 40% so với quy định của Khoa; các chương mục chưa rõ ràng và lô-gic.	Bố cục chưa đầy đủ và độ dài chênh lệch từ 50% trở lên so với quy định của Khoa; các chương mục không rõ ràng và lô-gic.	5% (0,5 điểm)

		<i>Tài liệu tham khảo</i>	Nguồn TLTK phong phú, chính thống; danh mục TLTK được sắp xếp hợp lý và đúng yêu cầu, các chú dẫn được trích dẫn đúng thể thức quy định.	Nguồn TLTK khá phong phú, chính thống; $\frac{1}{3}$ TLTK chưa được sắp xếp đúng quy định và một số trích dẫn chưa đúng thể thức quy định.	Nguồn TLTK chưa phong phú, một số tài liệu thiếu tính chính thống; khoảng $\frac{1}{2}$ TLTK bị sắp xếp lộn xộn và thiếu các chú dẫn theo thể thức quy định.	Nguồn TLTK nghèo nàn, đa số không chính thống; khoảng $\frac{2}{3}$ mục trích dẫn TLTK và các chú dẫn chưa đúng thể thức quy định.	Nguồn TLTK nghèo nàn, không chính thống; sắp xếp TLTK và các chú dẫn không đúng thể thức quy định.	5% (0,5 điểm)
		<i>Lỗi chính tả, ngữ pháp, diễn đạt, hình thức trình</i>	Không có lỗi về ngữ pháp và chính tả; câu văn diễn đạt súc tích, mạch lạc; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định.	Còn một số ít lỗi ngữ pháp và chính tả; câu văn diễn đạt mạch lạc; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định.	Khá nhiều lỗi ngữ pháp và chính tả; câu văn diễn đạt thiếu mạch lạc; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ tương đối rõ ràng, đúng quy định.	Nhiều lỗi ngữ pháp và chính tả; câu văn diễn đạt lủng củng, tối nghĩa; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ chưa rõ ràng, chưa đúng quy định.	Còn rất nhiều lỗi ngữ pháp và chính tả; văn phong không phù hợp, câu văn lủng củng, tối nghĩa; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ không rõ ràng, không đúng quy định.	10% (1,0 điểm)
		<i>Nội dung</i>	Trình bày đầy đủ kiến thức tổng quan về đơn vị thực tập; trình bày, phân tích kiến thức chuyên môn và ý nghĩa của công việc đã thực tập một cách sâu sắc, khoa học.	Trình bày đầy đủ kiến thức tổng quan về đơn vị thực tập; trình bày, phân tích kiến thức chuyên môn và ý nghĩa của công việc đã thực tập tương đối sâu sắc, khoa học.	Trình bày đầy đủ kiến thức tổng quan về đơn vị thực tập; trình bày, phân tích kiến thức chuyên môn và ý nghĩa của công việc đã thực tập tương đối sâu sắc, nhưng chưa khoa học.	Trình bày tương đối đầy đủ kiến thức tổng quan về đơn vị thực tập; trình bày, phân tích kiến thức chuyên môn và ý nghĩa của công việc đã thực tập sơ sài.	Trình bày chưa đầy đủ kiến thức tổng quan về đơn vị thực tập; trình bày, phân tích kiến thức chuyên môn và ý nghĩa của công việc đã thực tập sơ sài.	30% (3,0 điểm)

R.09. RUBRIC ĐÁNH GIÁ THỰC HÀNH

Nội dung đánh giá	Tiêu chí chung	Tiêu chí cụ thể	Thang điểm					Tỷ trọng
			A (8,5-10)	B (7,0-8,4)	C (5,5-6,9)	D (4,0-5,4)	F (<4,0)	
Kế hoạch và tài liệu dạy học	Mục tiêu bài dạy	<i>Các thành tố của mục tiêu bài dạy</i>	Xác định đầy đủ và sắp xếp đúng trật tự các thành tố của mục tiêu.	Xác định đầy đủ và sắp xếp một số ít thành tố của mục tiêu chưa đúng trật tự.	Xác định đúng nhưng sắp xếp các thành tố của mục tiêu chưa đúng trật tự...	Xác định thiếu một số thành tố mục tiêu và chưa sắp xếp các thành tố của mục tiêu đúng trật tự...	Trình bày chung chung, nhầm lẫn giữa các thành tố.	2.5%
		<i>Diễn đạt mục tiêu</i>	Mục tiêu đơn giản, cụ thể; sử dụng các động từ có thể quan sát và đo lường được.	Mục tiêu đơn giản, một số mục tiêu phức tạp; sử dụng các động từ có thể quan sát và đo lường được.	Mục tiêu phức tạp, chưa cụ thể; sử dụng các động từ đo lường được.	Mục tiêu phức tạp, chưa cụ thể; một số động từ không đo lường được.	Mục tiêu không rõ ràng; các động từ không đo lường được.	2.5%
	Thiết bị dạy học và học liệu	<i>Đảm bảo phù hợp mục đích tổ chức các hoạt động học tập</i>	TBDH được lựa chọn một cách sáng tạo, các học liệu phù hợp mục đích tổ chức các hoạt động	TBDH được lựa chọn một cách sáng tạo, một số học liệu chưa phù hợp mục đích tổ chức các hoạt động	TBDH, một số học liệu được chọn chưa thật sáng tạo, chưa thật phù hợp mục đích tổ chức các hoạt động	TBDH, học liệu được chọn chưa thật sáng tạo, chưa thật phù hợp mục đích tổ chức các hoạt động	TBDH, học liệu được lựa chọn không phù hợp mục đích tổ chức các hoạt động.	2.5%
		<i>Đảm bảo đa dạng, đơn giản, phổ biến và dễ sử dụng</i>	Có lựa chọn TBDH đa dạng, đơn giản, phổ biến và dễ sử dụng	Có lựa chọn TBDH đa dạng, đơn giản nhưng một số TBDH còn khó kiểm và khó sử dụng	Lựa chọn một số TBDH chưa thật đa dạng, đơn giản, phổ biến và dễ sử dụng	Lựa chọn TBDH chưa thật đa dạng, đơn giản, phổ biến và dễ sử dụng	Không lựa chọn những TBDH đa dạng, đơn giản, phổ biến và dễ sử dụng.	2.5%

Tiến trình tổ chức các hoạt động học tập	Thực hiện chuỗi hoạt động dạy		Thực hiện linh hoạt chuỗi hoạt động dạy học từ mở đầu, hình thành kiến thức, luyện tập và vận dụng	Thực hiện đúng chuỗi hoạt động dạy học từ mở đầu, hình thành kiến thức, luyện tập và vận dụng nhưng chưa linh hoạt.	Thực hiện được chuỗi hoạt động dạy học từ mở đầu, hình thành kiến thức, luyện tập và vận dụng nhưng một số hoạt động chưa sắp xếp hợp lí	Thực hiện chuỗi hoạt động dạy học từ mở đầu, hình thành kiến thức, luyện tập và vận dụng chưa hợp lí, bỏ qua một số hoạt động luyện tập, vận dụng.	Không thực hiện được chuỗi hoạt động dạy học từ mở đầu, hình thành kiến thức, luyện tập và vận dụng	5%
	Nội dung dạy	<i>Đảm bảo tính chính xác, lôgic, khoa học, trọng tâm</i>	Đảm bảo chính xác các khái niệm, thuật ngữ khoa học; các đơn vị kiến thức, kĩ năng được sắp xếp lô-gic; xác định rõ kiến thức trọng tâm của bài học.	Đảm bảo chính xác các khái niệm, thuật ngữ khoa học; các đơn vị kiến thức, kĩ năng được sắp xếp lô-gic; xác định được kiến thức trọng tâm của bài học nhưng cách diễn đạt còn khá dài.	Đảm bảo chính xác các khái niệm, thuật ngữ khoa học, các đơn vị kiến thức, kĩ năng sắp xếp lô gic nhưng chưa xác định được kiến thức trọng tâm.	Đảm bảo chính xác các khái niệm, thuật ngữ khoa học, các đơn vị kiến thức, kĩ năng chưa được sắp xếp lô gic và chưa xác định được kiến thức trọng tâm.	Các khái niệm, thuật ngữ khoa học có nội dung không chuẩn xác; không xác định được kiến thức trọng tâm.	10%
		<i>Đảm bảo được mức độ phân hóa, phù hợp với khả năng của HS.</i>	Đảm bảo mức độ phân hoá theo trình độ HS trong lớp học: nội dung kiến thức, kĩ năng chuẩn; nội dung kiến thức, kĩ năng nâng cao dành cho HS khá, giỏi. Có biện	Đảm bảo mức độ phân hoá theo trình độ HS trong lớp học: nội dung kiến thức, kĩ năng chuẩn; nội dung kiến thức, có kĩ năng nâng cao dành cho HS khá, giỏi nhưng chưa có nhiều biện pháp hỗ trợ HS	Các nội dung kiến thức, kĩ năng dành cho các đối tượng HS yếu hoặc HS khá giỏi trong lớp học không được xác định rõ ràng.	Không có nhiều các nội dung kiến thức, kĩ năng dành cho các đối tượng HS yếu hoặc HS khá giỏi trong lớp học.	Không có sự phân hóa các nội dung kiến thức, kĩ năng dành cho các đối tượng khác nhau trong lớp học.	10%

			pháp hỗ trợ HS yếu.	yếu (hoặc ngược lại).				
	<i>Liên hệ thực tế, cập nhật kiến thức.</i>	Nội dung kiến thức được cập nhật, đảm bảo tính hiện đại, thời sự và các ví dụ xuất phát từ thực tế hoặc có liên hệ ứng dụng trong thực tế.	Nội dung kiến thức được cập nhật, tuy nhiên một số kiến thức vẫn chưa đảm bảo được tính hiện đại, thời sự. Lấy được các ví dụ liên hệ thực tế song chưa thật tiêu biểu..	Nội dung kiến thức được cập nhật, tuy nhiên nhiều kiến thức vẫn chưa đảm bảo được tính hiện đại, thời sự. Lấy được các ví dụ liên hệ thực tế song chưa thật tiêu biểu.	Cập nhật được một số ít nội dung kiến thức, nhiều kiến thức chưa đảm bảo được tính hiện đại, thời sự và không lấy được các ví dụ liên hệ thực tế song chưa thật tiêu biểu.	Nội dung kiến thức không được cập nhật, không liên hệ với thực tế.	10%	
	<i>Tích hợp được các nội dung giáo dục (giá trị, kỹ năng sống, hứng thú, niềm tin...).</i>	Nội dung kiến thức có tích hợp một cách hợp lý các ví dụ, câu chuyện, bài học đạo đức, giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống, hấp dẫn được học sinh nhưng sắp xếp một số nội dung tích hợp chưa hợp lí.	Nội dung kiến thức có tích hợp các ví dụ, câu chuyện, bài học đạo đức, giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống, hấp dẫn được học sinh nhưng sắp xếp một số nội dung tích hợp chưa hợp lí.	Nội dung kiến thức có lồng ghép các nội dung giáo dục đạo đức, giá trị, kỹ năng sống,... song chưa thật thật sự tiêu biểu, hấp dẫn HS.	Chỉ tích hợp được một số nội dung kiến thức có giáo dục đạo đức, giá trị, kỹ năng sống vào bài học và chưa tạo được nhiều hứng thú cho học sinh.	Nội dung kiến thức khô khan, thuần kiến thức môn học, không được lồng ghép các nội dung giáo dục.	5%	
	<i>Đảm bảo kích thích khả năng tự học, tích cực hoá được người học</i>	Các phương pháp/kỹ thuật, hình thức dạy học linh hoạt, sáng tạo, phát	Các phương pháp/kỹ thuật, hình thức dạy học linh hoạt, sáng tạo, nhưng một số	Áp dụng các phương pháp/kỹ thuật, hình thức dạy học vào các tình huống dạy	Phần lớn phương pháp, hình thức đơn điệu, không phát huy được tính tích cực học tập	Phương pháp, hình thức đơn điệu, không phát huy được tính tích cực học	5%	

			huy được tính tích cực của HS, kích thích sự tranh luận, hợp tác nhóm và tự duy phản biện của HS.	phương pháp/kỹ thuật dạy học chưa phát huy được tính tích cực của HS.	học, nhưng chưa sáng tạo hoặc chưa kích thích được tính tích cực của HS.	của HS.	tập của HS.	
		<i>Sử dụng hợp lý các phương pháp thu thập thông tin phản hồi về mức độ nhận thức của HS.</i>	Thể hiện được các phương pháp, hình thức đánh giá phù hợp, vận dụng sáng tạo, đa dạng hóa kênh thu nhận thông tin phản hồi mức độ nhận thức của HS, để từ đó điều chỉnh PPDH.	Thể hiện được các phương pháp, hình thức đánh giá phù hợp, vận dụng sáng tạo nhưng chưa đa dạng hóa kênh thu nhận thông tin phản hồi mức độ nhận thức của HS, để từ đó điều chỉnh PPDH.	Có thể hiện các phương pháp, hình thức đánh giá thu nhận thông tin phản hồi mức độ nhận thức của HS, nhưng một số phương pháp, hình thức đánh giá chưa phù hợp.	Có thể hiện các phương pháp, hình thức đánh giá thu nhận thông tin phản hồi mức độ nhận thức của HS, nhưng chưa phù hợp.	Không có phương pháp thu thập thông tin phản hồi về mức độ nhận thức của HS.	5%
		<i>Đặt các câu hỏi/bài tập có tính phân hóa, kích thích tư duy của HS.</i>	Đặt được các câu hỏi/bài tập có tính phân hóa phù hợp cho các nhóm HS (khá giỏi, trung bình, yếu). Câu hỏi/bài tập kích thích tư duy của HS, kích lệ HS suy nghĩ,	Đặt được các câu hỏi/bài tập câu hỏi/bài tập kích thích tư duy của HS, kích lệ HS suy nghĩ, tranh luận, vận dụng xử lý các vấn đề của cá nhân/thực tế nhưng chưa có nhiều câu hỏi/bài tập gợi mở cho	Đặt được các câu hỏi/bài tập khác nhau, thích hợp cho các đối tượng, nhưng tính phân hóa chưa rõ, một số câu hỏi chưa kích thích được tư duy của HS.	Đặt được các câu hỏi/bài tập khác nhau, ở góc độ nào đó là thích hợp cho các đối tượng, chưa có nhiều tính phân hóa, chưa kích thích được tư duy của HS.	Các câu hỏi/bài tập đặt ra chỉ đơn thuần là ghi nhớ, học thuộc, không kích thích tư duy, không có tính phân hóa. Không kích lệ HS suy nghĩ.	5%

			tranh luận, vận dụng xử lý các vấn đề của cá nhân/thực tế.	các học sinh trung bình, yếu.				
		<i>Sử dụng thiết bị dạy học hợp lý, hiệu quả</i>	Thiết bị dạy học và học liệu được thể hiện trong các hoạt động có tính khả thi cao và có hiệu quả.	Thiết bị dạy học và học liệu được thể hiện trong các hoạt động có tính khả thi cao và có hiệu quả nhưng còn quá ít hoặc quá nhiều.	Thiết bị dạy học và học liệu được thể hiện trong các hoạt động nhưng một số thiết bị chưa rõ ràng, tính hiệu quả chưa cao.	Thiết bị dạy học và học liệu được thể hiện trong các hoạt động nhưng chưa rõ ràng, tính hiệu quả chưa cao.	Thiết bị dạy học và học liệu thể hiện trong các hoạt động không hợp lý, kém hiệu quả.	5%
		<i>Xử lý các tình huống sư phạm trong giờ học</i>	Xử lý các tình huống trong giờ học hợp lý, đảm bảo tính sư phạm.	Xử lý các tình huống trong giờ học đảm bảo tính sư phạm, một số tình huống xử lý chưa hợp lý.	Xử lý các tình huống trong giờ học chưa thật hợp lý, một số tình huống tính sư phạm chưa rõ.	Xử lý các tình huống trong giờ học chưa thật hợp lý, không đảm bảo thời gian hoạt động dạy học, tính sư phạm chưa rõ.	Xử lý các tình huống trong giờ học không hợp lý, thiếu tính sư phạm.	5%
		<i>Tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá</i>	Cho phép HS được nhận xét, đánh giá theo hướng tích cực trong nhiều tình huống học tập.	Cho phép HS được nhận xét, đánh giá theo hướng tích cực trong nhiều tình huống học tập, nhưng chưa phân bố thời gian hợp lý.	Cho phép HS được nhận xét, đánh giá nhưng chưa liên tục trong các tình huống học tập.	Chưa chú ý cho HS được tham gia nhận xét, đánh giá nhiều trong các tình huống học tập.	Không cho HS được nhận xét, đánh giá	5%

		<i>Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ trong các hoạt động học tập</i>	Có hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ học tập một cách cụ thể, tích cực, có chọn lựa phương pháp phù hợp với từng nội dung học tập.	Có hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ học tập một cách cụ thể, tích cực, một số hướng dẫn chưa sử dụng phương pháp phù hợp, gây khó hiểu cho học sinh.	Có hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ học tập một cách cụ thể, tích cực nhưng phương pháp hướng dẫn chưa phù hợp	Có hướng dẫn HS thực hiện một số nhiệm vụ học tập, nhưng chưa cụ thể, rõ ràng, thiếu sự hỗ trợ của các phương pháp dạy học khác nhau	Không có hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ học tập	2.5%
Tổng kết và hướng dẫn học tập		<i>Đảm bảo tính cụ thể, cô đọng để HS dễ nhớ, dễ ghi chép</i>	Nội dung bài học được tổng kết, hệ thống hóa một cách cụ thể, cô đọng	Nội dung bài học được tổng kết, hệ thống hóa một cách cụ thể, nhưng chưa cô đọng.	Nội dung bài học được tổng kết, hệ thống hóa nhưng còn lan man chưa làm rõ trọng tâm bài học học sinh cần chú ý.	Nội dung bài học được tổng kết, nhưng chưa cụ thể, cô đọng, chưa tóm tắt được trọng tâm bài học..	Không có tổng kết, hệ thống hóa nội dung bài học	2.5%
		<i>Hướng dẫn HS học tập ở nhà đầy đủ và chính xác</i>	Có hướng dẫn HS học tập ở nhà đầy đủ và chính xác.	Có hướng dẫn HS học tập ở nhà đầy đủ, nhưng chưa cụ thể, rõ ràng.	Có hướng dẫn HS học tập ở nhà nhưng nội dung, nhiệm vụ còn đơn giản, chưa cụ thể.	Có hướng dẫn HS học tập ở nhà nhưng chưa hướng dẫn cụ thể và kết nối được nội dung bài cũ và bài mới..	Không có hướng dẫn HS học tập ở nhà	2.5%

R.10. RUBRIC ĐÁNH GIÁ BÀI GIẢNG E-LEARNING

Tiêu chí chung	Tiêu chí cụ thể	Thang điểm					Trọng số (%)
		A (8,5-10)	B (7,0-8,4)	C (5,5-6,9)	D (4,0-5,4)	F (<4,0)	
1. Công nghệ	<i>Ghi âm</i>	Ghi âm thuyết minh và lời giảng rõ ràng, chuẩn xác	Ghi âm thuyết minh và lời giảng rõ ràng, chuẩn xác nhưng vẫn còn một số âm thanh thừa hưởng không ảnh hưởng đến bài giảng.	Ghi âm thuyết minh và lời giảng rõ ràng, chuẩn xác	Ghi âm thuyết minh và lời giảng rõ ràng, chuẩn xác	Ghi âm thuyết minh và lời giảng rõ ràng, chuẩn xác	7
	<i>Ghi hình</i>	Ghi hình giáo viên ít nhất 2 lần, sinh viên xuất hiện ở phần đầu và phần cuối, hình ảnh rõ ràng, dẫn dắt của giáo viên tự nhiên hấp dẫn.	Ghi hình giáo viên ít nhất 2 lần, hình ảnh rõ ràng dẫn dắt của giáo viên thiếu tự nhiên, chưa hấp dẫn.	Ghi hình giáo viên ít nhất 2 lần, sinh viên xuất hiện ở phần đầu và phần cuối, nhưng hình ảnh chưa rõ ràng, dẫn dắt giáo viên tự nhiên hấp dẫn.	Ghi hình giáo viên dưới 2 lần, hình ảnh không rõ ràng, dẫn dắt của thiếu tự nhiên, hấp dẫn.	Không ghi hình trong bài giảng E-learning	7
	<i>Bài tập tương tác</i>	Số lượng bài tập, tình huống tương tác với người học hợp lý, chất lượng tốt	Số lượng bài tập, tình huống tương tác tốt, chất lượng tốt. Cách sắp xếp một số bài tập tương tác chưa hợp lý	Số lượng bài tập, tình huống tương tác với người học hợp lý, chất lượng chưa tốt; các sắp xếp các bài tập tương tác chưa hợp lý.	Có xây dựng các bài tập, tình huống tương tác với người học nhưng không nhiều, chất lượng bài tập chưa tốt.	Không xây dựng các bài tập tương tác với người học	7
	<i>Thiết kế</i>	Thiết kế rõ ràng, tính thẩm mỹ cao, người khác có thể dễ dàng thực hiện theo	Thiết kế rõ ràng, có tính thẩm mỹ, người khác có thể dễ dàng thực hiện theo, nhưng chưa tạo ấn tượng, hứng thú cho người học.	Thiết kế rõ ràng, nhưng chưa tạo được nhiều ấn tượng cho người xem, người khác khó thực hiện theo	Một số nội dung thiết kế chưa rõ ràng, chưa có tính thẩm mỹ, người khác khó thực hiện theo	Thiết kế không rõ ràng, không có tính thẩm mỹ, người khác khó thực hiện theo	7

2. Nội dung	<i>Đảm bảo được mức độ phân hóa, phù hợp với khả năng của HS.</i>	Đảm bảo chính xác các khái niệm, thuật ngữ khoa học; các đơn vị kiến thức, kĩ năng được sắp xếp lô-gic; xác định rõ kiến thức trọng tâm của bài học. Đáp ứng đầy đủ yêu cầu cần đạt.	Đảm bảo chính xác các khái niệm, thuật ngữ khoa học; các đơn vị kiến thức, kĩ năng được sắp xếp lô-gic; xác định được kiến thức trọng tâm của bài học nhưng cách diễn đạt còn khá dài. Đáp ứng đầy đủ yêu cầu cần đạt.	Đảm bảo chính xác các khái niệm, thuật ngữ khoa học, các đơn vị kiến thức, kĩ năng sắp xếp lô-gic, đáp ứng được yêu cầu cần đạt nhưng chưa xác định được kiến thức trọng tâm bài dạy.	Đảm bảo chính xác các khái niệm, thuật ngữ khoa học, các đơn vị kiến thức, kĩ năng chưa được sắp xếp lô-gic và chưa xác định được kiến thức trọng tâm.	Các khái niệm, thuật ngữ khoa học có nội dung không chuẩn xác; không xác định được kiến thức trọng tâm.	8
	<i>Liên hệ thực tế, cập nhật kiến thức.</i>	Nội dung kiến thức được cập nhật, đảm bảo tính hiện đại, thời sự và có tí.	Nội dung kiến thức được cập nhật, tuy nhiên một số kiến thức vẫn chưa đảm bảo được tính hiện đại, thời sự và thể hiện được tính giáo dục.	Nội dung kiến thức được cập nhật, nhưng vẫn chưa đảm bảo được tính thời sự, chưa thật tiêu biểu và chưa chú trọng đầu tư vào các hoạt động giáo dục.	Cập nhật được một số ít nội dung kiến thức có tính thời sự chưa tạo được ấn tượng cho người xem và tính giáo dục chưa cao.	Nội dung kiến thức không cập nhật, liên hệ với các kiến thức tế, không chú ý đến tính giáo dục.	8
	<i>Tích hợp được các nội dung giáo dục</i>	Nội dung kiến thức có tích hợp một cách hợp lý các ví dụ, câu chuyện, bài học đạo đức, giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống, nuôi dưỡng hứng thú, tạo niềm tin,...có sức hấp dẫn HS.	Nội dung kiến thức có tích hợp các ví dụ, câu chuyện, bài học đạo đức, giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống, hấp dẫn được học sinh nhưng sắp xếp một số nội dung tích hợp chưa hợp lí.	Nội dung kiến thức có lồng ghép các nội dung giáo dục đạo đức, giá trị, kỹ năng sống,... song chưa thật thật sự tiêu biểu, hấp dẫn HS.	Chỉ tích hợp được một số nội dung kiến thức có giáo dục đạo đức, giá trị, kỹ năng sống vào bài học và chưa tạo được nhiều hứng thú cho học sinh.	Nội dung kiến thức khô khan, thuần kiến thức môn học, không được lồng ghép các nội dung giáo dục.	7
3. Phương pháp	Kết hợp các phương	Kết hợp tốt phương pháp dạy học truyền thống	Có sự kết hợp giữa phương pháp dạy học truyền thống và	Có sự kết hợp giữa phương pháp dạy học truyền thống và	Có sự kết hợp giữa phương pháp dạy học truyền	Không có sự kết hợp giữa phương pháp	7

	pháp dạy học	và phương pháp dạy học Elearning	phương pháp dạy học Elearning. Nhưng một số nội dung chưa đem lại hiệu quả cao.	phương pháp dạy học Elearning nhưng chưa nhuyễn nhuyễn và hiệu quả đem lại chưa cao.	thống và phương pháp dạy học Elearning nhưng chưa nhiều và còn nặng về phương pháp truyền thống.	dạy học truyền thống và phương pháp dạy học Elearning	
	Phương pháp trình bày	Lời dẫn vào bài và bài thuyết minh rõ ràng, dễ hiểu, tạo ấn tượng. Phương pháp trình bày hấp dẫn, lôi cuốn người học	Lời dẫn vào bài và bài thuyết minh rõ ràng, dễ hiểu tạo được ấn tượng. Phương pháp trình bày rõ ràng nhưng chưa thật sự lôi cuốn, thu hút.	Lời dẫn vào bài và bài thuyết minh rõ ràng, dễ hiểu, nhưng chưa tạo được ấn tượng. Phương pháp trình bày lôi cuốn nhưng một số nội dung chưa rõ ràng.	Lời dẫn vào bài và bài thuyết minh rõ ràng nhưng chưa cô đọng. Phương pháp trình bày rõ ràng, chưa gây được ấn tượng.	Lời dẫn vào bài và bài thuyết minh chưa làm rõ trọng tâm của bài, chưa thật sự lôi cuốn. Phương pháp trình bày chưa rõ ràng, lôi cuốn	7
	Phương pháp định hướng người học	Khả năng định hướng người học tốt, đảm bảo tính tự học cao	Định hướng và đảm bảo được tính tự học của người học. Nhưng sự định hướng ở một số nội dung chưa rõ ràng, cụ thể.	Có định hướng và chú ý phát triển năng lực tự học của người học nhưng chưa có sự đầu tư nhiều về nhiệm vụ học tập và các tài liệu hỗ trợ.	Chưa chú trọng nhiều đến việc định hướng và phát triển năng lực tự học cho người học.	Không định hướng được và không phát triển được năng lực tự học của người học.	7
	Phân bố thời gian cho các hoạt động hợp lí.	Phân bố thời gian hợp lí. Thời gian giành cho phần nội dung trọng tâm của bài học còn quá ít hoặc quá nhiều	Thời gian phân bố cho một số hoạt động chưa thật hợp lí hoặc chưa hiệu quả.	Thời gian phân bố cho các hoạt động chưa thật hợp lí hoặc chưa hiệu quả.	Phân bố thời gian cho các hoạt động không hợp lí, hoặc không có sự phân bố thời gian cho các hoạt động.	Phân bố thời gian cho các hoạt động hợp lí.	7

4. Hình thức	Trang bìa	Trang bìa đúng quy định, có tính thẩm mỹ cao	Trang bìa đúng quy định, có tính thẩm mỹ nhưng còn sai lỗi chính tả.	Trang bìa đúng quy định, chưa gây được ấn tượng cho người xem.	Trang bìa một số đúng quy định, nội dung một số phần có nhầm lẫn, tính thẩm mỹ chưa cao.	Trang bìa không đúng quy định, không có tính thẩm mỹ.	7
	Tính thẩm mỹ	Trình bày có tính thẩm mỹ, mô phạm	Trình bày có tính thẩm mỹ, mô phạm. Nhưng một số chỗ còn sai lỗi chính tả, font chữ	Trình bày có tính thẩm mỹ, nhưng tính mô phạm chưa cao.	Trình bày chưa đẹp, ấn tượng, sử dụng nhiều hiệu ứng nhấp nháy tính mô phạm chưa cao.	Trình bày không đẹp và không có tính mô phạm	7
	Chất lượng âm thanh, hình ảnh	Chất lượng âm thanh, hình ảnh tốt	Đảm bảo chất lượng âm thanh, hình ảnh. Một số nội dung âm thanh và hình ảnh chưa rõ.	Nội dung bài giảng còn lẫn nhiều tạp âm, hình ảnh chưa trích dẫn rõ nguồn còn mờ.	Âm thanh các phần chưa đều, hình ảnh chưa rõ nét.	Chất lượng âm thanh, hình ảnh không tốt khiến học sinh khó nắm bắt được nội dung bài học.	7

R.11. RUBRIC ĐÁNH GIÁ BÀI GIẢNG ĐIỆN TỬ

Tiêu chí	Mức độ đánh giá				
	A (8,5-10)	B (7,0-8,4)	C (5,5-6,9)	D (4,0-5,4)	F (<4,0)
1. Tiêu chí về nội dung					
1.1. Bài giảng điện tử hỗ trợ dạy học phải đảm bảo đúng với chương trình, chuẩn kiến thức kỹ năng và sách giáo khoa của lớp học, bậc học.					
1.2. Nội dung bài giảng đảm bảo tính chính xác, khoa học, phù hợp với đặc trưng bộ môn và nội dung, phương pháp dạy.					
1.3. Trình bày cô đọng không đưa quá nhiều nội dung lý thuyết từ sách giáo khoa vào bài giảng.					
1.4. Bài giảng phải có tính thẩm mỹ, tính trực quan sinh động cao, được thiết kế dưới dạng mở để giáo viên có thể chủ động bổ sung hoặc thay đổi cho phù hợp với tiết dạy thực tế.					
1.5. Các nội dung các slidelàm rõ và thể hiện được sinh động nội dung bài học. Câu hỏi - giải đáp đảm bảo chính xác, logic của vấn đề.					
2. Tiêu chí về hình thức					
2.1. Thiết kế kênh chữ, kênh hình, âm thanh phù hợp, khoa học					
2.2. Giao diện đối thoại tương tác giữa thầy và trò phải có tính sư phạm, động viên và kích thích học sinh tư duy năng động					
2.3. Giao diện thân thiện, có tính thẩm mỹ, phù hợp với lứa tuổi học sinh, tạo cảm giác hứng thú trong học tập					
2.4. Trình bày thẩm mỹ, rõ nét, dễ hiểu, dễ nắm, kích thích được sự hưng phấn, tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh.					
2.5. Hình và chữ phải rõ, nét, cỡ chữ đủ lớn để xem, gọn lòi, trình bày đẹp và có tính trực quan, thể hiện nổi bật được kiến thức.					
2.6. Các hiệu ứng hình ảnh, màu sắc, âm thanh, chuyển động được sử dụng hợp lý, không làm học sinh phân tán chú ý của					66!

học sinh					
3. Tiêu chí về kỹ thuật					
3.1. Sử dụng đa phương tiện phim (Video), âm thanh (Audio), tranh ảnh (Image), hoạt hình (Flash), các file EXE, nhúng, liên kết... hợp lí					
3.2. Thiết kế khoa học, dễ sử dụng, nâng cấp, bổ sung, điều chỉnh, có tính sáng tạo ...					
3.3. Giáo viên làm chủ được kỹ thuật, thao tác nhuần nhuyễn, trình chiếu không trục trặc					
3.4. Sử dụng công cụ, phần mềm, ... nhuần nhuyễn, hợp lí					
3.5. Nhịp độ trình chiếu và triển khai bài dạy vừa phải, phù hợp với sự tiếp thu của phần đông học sinh. Học sinh theo dõi kịp và ghi vở kịp					
4. Tiêu chí về hiệu quả					
4.1. Thực hiện được mục tiêu bài học - HS hiểu bài bài và hứng thú học tập					
4.2. Học sinh tích cực, chủ động tìm ra bài học					
4.3. Đánh giá được kết quả giờ dạy					
4.4. Phát huy được tác dụng nổi bật của CNTT mà bảng đen và các ĐDDH khác khó đạt được					

R.12. RUBRIC ĐÁNH GIÁ NGHIỆP VỤ SỰ PHẠM THƯỜNG XUYÊN

Tiêu chí	Mức độ đánh giá				
	A (8,5-10)	B (7,0-8,4)	C (5,5-6,9)	D (4,0-5,4)	F (<4,0)
1. KỸ NĂNG VIẾT BẢNG					
* Hình thức thông tin trên bảng					
1.1. Bố cục hợp lí, theo tiến trình tiết học					
1.2. Thông tin chính xác, khoa học					
1.3. Ý tưởng trình bày thể hiện tính sáng tạo					
1.4. Chữ thẳng hàng, khoảng cách chữ hợp lí; nét chữ rõ ràng, đều, đẹp					
1.5. Tạo được điểm nhấn cho phần tiêu đề, các đề mục					
* Quá trình trình bày bảng					
1.6. Tốc độ viết, vẽ phù hợp (như khi dạy thực tế trên lớp)					
1.7. Tư thế viết, vẽ hợp lí (không che đậy nội dung đang viết/vẽ; không để lộ phần than gây phản cảm)					
1.8. Giao diện thân thiện, có tính thẩm mỹ, phù hợp với lứa tuổi học sinh, tạo cảm giác hứng thú trong học tập					
1.9. Kết hợp tốt giữa ghi bản và việc bao quát lớp					
1.10. Kết hợp tốt giữ ghi bảng và quá trình giảng bài					
2. KỸ NĂNG SỬ DỤNG NGÔN NGỮ TRONG QUÁ TRÌNH DẠY HỌC					
* Nội dung trình bày					66'

2.1. Đảm bảo tính khoa học					
2.2. Đảm bảo tính giáo dục					
2.3 Đảm bảo tính logic, thuyết phục					
2.4. Đảm bảo tính cân đối giữa các phần trong nội dung trình bày					
* Kỹ thuật sử dụng ngôn ngữ trình bày trong quá trình dạy học					
2.5. Tổ độ nói hợp lí, có điểm nhấn, nói rõ ràng, mạch lạc.					
2.6. Ngôn ngữ trong sáng, giọng nói mang tính thuyết phục cao.					
2.7. Không mắc phải những lỗi trong diễn đạt như: câu thiếu thành phần cơ bản, phát âm sai, nói lắp, nói ngọng...					
2.8. Phong cách nói tự tin, sử dụng ngôn ngữ cơ thể để tăng tính thuyết phục và tạo sự hứng thú.					
2.9. Nhận xét học sinh, trả lời thắc mắc của học sinh một cách thuyết phục, có tính sư phạm cao					
2.10. Sử dụng hiệu quả các phương tiện hỗ trợ					

R.13. Rubric bài tập cá nhân

Tiêu chí	Trọng số %	A (8,5-10)	B (7,0-8,4)	C (5,5 -6,9)	D (4,0-5,4)	F (<4,0)
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	20	Thực hiện tốt các nhiệm vụ, nộp sản phẩm đúng hạn	Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện 50- 80% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn	Thực hiện < 50% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn	Không thực hiện các nhiệm vụ, không nộp sản phẩm
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	50	Thực hiện thành công những nội dung thực hành và giải thích được kết quả	Thực hiện thành công những nội dung thực hành và chưa giải thích trọn vẹn kết quả	Thực hiện thành công 50% những nội dung thực hành và chưa giải thích được kết quả	Thực hiện thành công 30% những nội dung thực hành và chưa giải thích được kết quả	Không thực hiện được nội dung được yêu cầu
Hình thức trình bày (tùy thuộc từng dạng bài tập cá nhân lựa chọn tiêu chí đánh giá phù hợp)	20	- Nhất quán về format trong toàn bài, không có lỗi chính tả <i>(đối với bài về nhà nộp lại cho giảng viên)</i> - Trình bày mạch lạc, rõ ràng, tương tác tốt và trả lời tốt các câu hỏi phản biện. <i>(đối với bài tập cá nhân trình bày trên lớp)</i> - Đầy đủ trên 90% các yêu cầu về hình thức trình bày của GV. <i>(đối</i>	- Vài sai sót nhỏ về format, một vài lỗi chính tả nhỏ. <i>(đối với bài về nhà nộp lại cho giảng viên)</i> - Trình bày khá mạch lạc, rõ ràng, có sự tương tác và trả lời được các câu hỏi phản biện. <i>(đối với bài tập cá nhân trình bày trên lớp)</i> - Đầy đủ từ 80% - 90% các yêu cầu về	- Format vài chỗ không thống nhất, lỗi chính tả khá nhiều. <i>(đối với bài về nhà nộp lại cho giảng viên)</i> - Trình bày tương đối mạch lạc, một số nội dung không rõ ràng, có sự tương tác và trả lời được một số câu hỏi phản biện. <i>(đối với bài tập cá nhân trình bày trên lớp)</i> - Đầy đủ từ 60% -	- Format nhiều chỗ không thống nhất, lỗi chính tả khá nhiều. <i>(đối với bài về nhà nộp lại cho giảng viên)</i> - Trình bày nhiều nội dung chưa rõ ràng, rất ít sự tương tác và trả lời được một số câu hỏi phản biện. <i>(đối với bài tập cá nhân trình bày trên lớp)</i>	- Format rất nhiều chỗ không nhất quán, lỗi chính tả rất nhiều. <i>(đối với bài về nhà nộp lại cho giảng viên)</i> - Trình bày không rõ ràng, không có sự tương tác và không trả lời được các câu hỏi phản biện. <i>(đối với bài tập cá nhân trình bày trên lớp)</i> - Đầy đủ dưới 40%

		<i>với bài thực hành)</i>	hình thức trình bày của GV. <i>(đối với bài thực hành)</i>	dưới 80% các yêu cầu về hình thức trình bày của GV. <i>(đối với bài thực hành)</i>	- Đầy đủ từ 40% - dưới 60% các yêu cầu về hình thức trình bày của GV. <i>(đối với bài thực hành)</i>	các yêu cầu về hình thức trình bày của GV. <i>(đối với bài thực hành)</i>
Ý tưởng sáng tạo	10	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ	Mới chỉ nêu được ý tưởng	Mới chỉ nêu được ý tưởng	Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo

R.14. RUBRIC ĐÁNH GIÁ BÀI KIỂM TRA TIN HỌC

STT	Nội dung	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Ghi chú
A. Kiểm tra giữa học kỳ + Các điểm bộ phận (trọng số 0,5)					
1	Công nghệ thông tin và truyền thông	Thực hiện được thao tác nhưng chưa đúng yêu cầu của đề thi	Thực hiện được thao tác và đúng với yêu cầu định dạng của đề thi	Thực hiện được những nội dung tự học, nâng cao ngoài chương trình.	Bài tập nhóm/ trắc nghiệm
2	Word cơ bản				Thực hành/ Trắc nghiệm
3	Excel cơ bản				Báo cáo/ Thực hành
4	Power Point				
	TỔNG ĐIỂM	3 điểm	5 điểm	2 điểm	10 điểm
B. Thi cuối học kỳ (trọng số 0,5)					
Trắc nghiệm kiến thức chung của học phần (thi trên hệ thống và kết quả được hiển thị sau khi kết thúc)					
5	Bài thi trắc nghiệm 30 câu	Thực hiện được các câu trắc nghiệm ở mức độ hiểu, biết.	Thực hiện được các câu trắc nghiệm ở mức độ phân tích.	Thực hiện được các câu trắc nghiệm ở mức độ áp dụng	<i>Nội dung đề thi bám sát với nội dung của học phần</i>
	TỔNG	3 điểm	5 điểm	2 điểm	10 điểm
Thực hành Word (thu bài qua hệ thống, kết quả được chấm bằng tay)					
6	Soạn thảo đầy đủ nội dung (đúng font chữ, kích thước chữ theo yêu cầu), định dạng kiểu chữ (in đậm/ in nghiêng/ gạch chân), định dạng đoạn văn bản (canh trái/canh giữa/canh phải/canh đều hai bên))	Soạn thảo đầy đủ nội dung văn bản. (0,5 điểm)	Soạn thảo đầy đủ nội dung (đúng font chữ, kích thước chữ theo yêu cầu), định dạng kiểu chữ (in đậm/ in nghiêng/ gạch chân). (0,75 điểm)	Soạn thảo đầy đủ nội dung (đúng font chữ, kích thước chữ theo yêu cầu), định dạng kiểu chữ (in đậm/ in nghiêng/ gạch chân), định dạng đoạn văn bản (canh trái/canh giữa/canh phải/canh đều hai bên)) (1 điểm)	BẮT BUỘC <i>1 điểm</i>

7	Chèn bảng có định dạng đường kẻ/trộn ô ở mức độ đơn giản – Tables	Thực hiện được thao tác nhưng chưa đúng yêu cầu của đề thi (0,25 điểm/nội dung)	Thực hiện được thao tác và đúng với yêu cầu định dạng của đề thi (0,5 điểm/nội dung)		Chọn một trong các nội dung để có tổng là 4 điểm
8	Thiết lập điểm dừng con trỏ văn bản – Tab				
9	Chèn hình ảnh bất kỳ - Picture				
10	Chèn đối tượng hình học – Shapes				
11	Chèn chữ nghệ thuật – WordArt				
12	Chèn hộp văn bản – Text Box				
13	Chèn biểu tượng đặc biệt – Symbol				
14	Tạo chữ lớn đầu đoạn văn bản – Drop Cap				
14	Chia văn bản dạng cột báo – Column				
16	Đánh số thứ tự tự động/bullets				
17	Chèn đầu trang/chân trang – Header/Footer				
18	Đánh số trang theo định dạng yêu cầu – Pages				
19	Chèn nền bảo vệ văn bản – Watermark				

20	Chèn công thức toán học – Equation				
21	Chèn danh mục hình ảnh – Table of figures				
22	Chèn chú thích – Comments				
23	Chèn cước chú – Endnote/Footnote				
24	Chèn ảnh chụp màn hình – Screenshot				
25	Chèn sơ đồ đơn giản – SmartArt				
26	Chèn đồ thị - Chart				
27	Chèn siêu liên kết – Hyperlink				
28	Chèn mục lục tự động – Table of Contents				
29	Trộn thư – Mailings	Thực hiện được thao tác trộn thư nhưng chưa cho kết quả (0,25 điểm)	Thực hiện trộn thư và cho kết quả chưa hoàn chỉnh (0,5 điểm)	Thực hiện trộn thư và cho kết quả hoàn chỉnh theo yêu cầu đề thi (1 điểm)	
30	TỔNG	2,25 điểm	3,5-4,5 điểm	0,5-1,5 điểm	5 điểm
Thi thực hành Excel (thu bài qua hệ thống, kết quả được chấm tự động bằng phần mềm/ bằng tay)					
31	Thực hiện công thức tính toán	1 điểm			

32	Thực hiện các hàm như thống kê cơ bản/ chuỗi/ xếp hạng/ làm tròn/...	1 điểm	<i>Chọn 3 trong các nội dung bên</i>
33	Thực hiện hàm điều kiện	1 điểm	
34	Thực hiện hàm dò tìm	1 điểm	
35	Thực hiện kết hợp các hàm trên	1 điểm	<i>Chọn 2 trong các nội dung bên</i>
36	Thực hiện hàm thống kê có điều kiện.	1 điểm	
37	Sử dụng Dfunction/ Công thức mảng.	1 điểm	
38	TỔNG	5 điểm	5 điểm

R.15. RUBRIC ĐÁNH GIÁ BÀI TẬP XỬ LÝ TÌNH HUỐNG SỰ PHẠM

Tiêu chí	Trọng số %	A	B	C	D	F
		8.5-10	7-8.4	5.5-6.9	4-5.4	< 4
Nội dung giải quyết	60	- Xác định đúng thể loại tình huống sự phạm. - Tuân thủ quy trình, nguyên tắc giải quyết tình huống sự phạm. - Cách giải quyết đạt được mục tiêu.	- Xác định đúng thể loại tình huống sự phạm. - Tuân thủ quy trình, một số nguyên tắc giải quyết tình huống sự phạm. - Cách giải quyết về cơ bản đã đạt được mục tiêu.	- Xác định đúng thể loại tình huống sự phạm. - Chưa tuân thủ quy trình và vi phạm 1,2 nguyên tắc giải quyết tình huống sự phạm. - Cách giải quyết về cơ bản đã đạt được mục tiêu.	- Xác định sai thể loại tình huống sự phạm. - Chưa tuân thủ quy trình và vi phạm 2-3 nguyên tắc giải quyết tình huống sự phạm. - Cách giải quyết về cơ bản đã đạt được mục tiêu.	- Xác định sai thể loại tình huống sự phạm. - Không tuân thủ quy trình/nguyên tắc giải quyết tình huống - Cách giải quyết về cơ bản không đạt được mục tiêu.
Kỹ năng thể hiện	30	Mạch lạc, rõ ràng, thuyết phục	Khá mạch lạc, rõ ràng, thuyết phục	Tương đối rõ ràng, thuyết phục	Thiếu rõ ràng, thiếu thuyết phục	Không rõ ràng, không thuyết phục
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	10	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tốt	Tương tác bằng mắt, cử chỉ khá tốt	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tương đối tốt, còn vài sai sót nhỏ	Ít tương tác bằng mắt và cử chỉ/sai sót lớn trong tương tác	Không có tương tác bằng mắt và cử chỉ/sai sót lớn trong tương tác

PHỤ LỤC 2.

**BẢNG ĐỐI SÁNH CTĐT NGÀNH SƯ PHẠM LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM - ĐHQĐ HN VỚI
CTĐT NGÀNH SƯ PHẠM LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM - ĐẠI HỌC HUẾ
VÀ CTĐT NGÀNH SƯ PHẠM LỊCH SỬ - CLC TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI**

STT	Hạng mục Khối kiến thức	CTĐT Sư phạm Lịch sử và Địa lí, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng			STT	Hạng mục Khối kiến thức	CTĐT Sư phạm Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế			STT	Hạng mục Khối kiến thức	BA in History Teaching , History Department, Brigham Young University		
A	Khối Kiến thức Giáo dục đại cương (Số TC)	Bắt buộc (R)	Tự chọn bắt buộc (SE)	Tự chọn tự do (E)	A	Khối Kiến thức Giáo dục đại cương (Số TC)	Bắt buộc (R)	Tự chọn bắt buộc (SE)	Tự chọn tự do (E)	A	Khối Kiến thức Giáo dục đại cương (Số TC)	Bắt buộc (R)	Tự chọn bắt buộc (SE)	Tự chọn tự do (E)
1	Triết học Mác – Lênin	3			1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2							
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2			2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3							

3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2			3	Tiếng Anh A1	2							
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2							
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2			5	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3							
6	Tin học đại cương (Tin học CN1)	2			6	Tin học	2							
7	Pháp luật đại cương	2			7	Tiếng Anh A2	2							
8	Giáo dục thể chất 1,2,3,4	(4t)			8	Giáo dục thể chất	(5TC)							
9	Giáo dục quốc phòng	(4t)				Giáo dục quốc phòng	165t							
						Tiếng Anh B1	3							
	TỔNG	15				TỔNG	12							

B	Khối Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp (Số TC)	Bắt buộc (R)	Tự chọn bắt buộc (SE)	Tự chọn tự do (E)	B	Khối Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp (Số TC)	Bắt buộc (R)	Tự chọn bắt buộc (SE)	Tự chọn tự do (E)					
I	Khối Kiến thức Cơ sở ngành (Số TC)				I	Khối Kiến thức Cơ sở ngành (Số TC)				I	Khối Kiến thức Cơ sở ngành (Số TC)			
10	Cộng đồng các dân tộc Việt Nam	2			11	Tâm lý học 1	2			1	Những lời răn dạy và giáo lí của sách Mặc môn.	2		
11	Cơ sở Khảo cổ học	2			12	Tâm lý học 2	2			2	Chúa Giêsu và kinh Phúc Âm	2		
12	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			13	Giáo dục học 1	4			3	Cơ sở phục hồi của thiên chúa giáo	2		
13	Địa lí tự nhiên đại cương	4			14	Giáo dục học 2				4	Gia đình vĩnh cửu	2		
14	Bản đồ học đại cương	2			15	Nhập môn Sử học và Địa lý	4							
15	Địa lí kinh tế - xã hội đại cương	3			16	Phương pháp nghiên cứu khoa học Lịch sử	2							

						và Địa lý								
16	Nhập môn Lịch sử và Địa lí	2			17	Lý luận Sử học	2							
					18	Bản đồ giáo khoa	3							
	TỔNG	17				TỔNG	21				TỔNG	8		
II	Kiến thức chuyên ngành và nghịệp vụ bắt buộc (Số TC)	Bắt buộc (R)	Tự chọn bắt buộc (SE)	Tự chọn tự do (E)	II	Kiến thức chuyên ngành và nghịệp vụ (Số TC)	Bắt buộc (R)	Tự chọn bắt buộc (SE)	Tự chọn tự do (E)	II	Kiến thức chuyên ngành và nghịệp vụ (Số TC)	Bắt buộc (R)	Tự chọn bắt buộc (SE)	Tự chọn tự do (E)
	<i>Kiến thức chuyên ngành</i>					<i>Kiến thức chuyên ngành</i>					<i>Kiến thức chuyên ngành</i>			
17	Thực tế chuyên môn	2			29	Lịch sử thế giới cổ trung đại	3			5	Nước Mỹ từ thời lập quốc đến năm 1877	3		
18	Môi trường và phát triển bền vững	2			30	Lịch sử thế giới cận - hiện đại	3			6	Nước Mỹ từ năm 1877 đến nay	3		
19	Lịch sử thế giới cổ trung đại	3			31	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại	3			7	Lịch sử văn minh thế giới từ nguồn gốc đến 1500	2		